

Hòa Bình, ngày 11 tháng 06 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Nghệ thuật Biểu diễn múa dân gian dân tộc

Tên tiếng anh: Performing arts of traditional dance

Mã ngành: 5210207

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên

Thời gian đào tạo: 03 năm

(Ban hành theo Quyết định số 387/QĐ-CDNTTB-ĐT ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Tây Bắc).

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật Biểu diễn Múa dân gian dân tộc trình độ trung cấp nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khả năng biểu diễn Múa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, tư cách đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh yêu nghề, nắm vững đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.2 Về kiến thức

- Chương trình trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về múa cổ điển Châu Âu, múa hiện đại, múa các dân tộc Việt Nam dưới các hình thức khác nhau như: Múa đơn, múa ít người, nhiều người.

1.2.3 Về kỹ năng

- Có khả năng thực hiện kỹ thuật biểu diễn các tác phẩm múa.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Dẫn viên các Đoàn nghệ thuật, trung tâm văn hóa. Có khả năng tiếp tục học trình độ cao hơn.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

+ Số lượng môn học: **14**

+ Số lượng kiến thức toàn khóa học: **2445 giờ (101 tín chỉ)**

- Khối lượng các môn học chung: **255 giờ**
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: **2160 giờ**
- Khối lượng các môn tự chọn: **30 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: 552 giờ; Thực hành, Bài tập, thực tập: 1808 giờ;

Kiểm tra: 85 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Stt	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành Bài tập thảo luận	Kiểm tra	Tự học
I	Các môn học chung	17	255	94	148	13	
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2	
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	45	21	21	3	
MH 05	Tin học	3	45	15	29	1	
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	6	90	30	56	4	
II	Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: 2160						
II.1	Môn học cơ sở ngành	9	180	80	90	10	
MH 07	Độc nhạc	3	60	26	30	4	
MH 08	Lịch sử múa	3	60	27	30	3	
MH 09	Múa hiện đại	3	60	27	30	3	
II.2	Môn học chuyên ngành	73	1980	364	1556	60	
MH 10	Thực hành biểu diễn TP múa	14	330	78	240	12	
MH 11	Múa dân gian dân tộc	24	540	156	360	24	
MH 12	Múa cổ điển châu Âu	21	480	130	330	20	
MH 13	Thực tập nghề nghiệp	14	630	0	626	4	
II.3	Môn học tự chọn	2	30	14	14	2	
MH 14	Kỹ năng giao tiếp	2	30	14	14	2	
	Múa sân khấu truyền thống						
	Cộng:	101	2445	552	1808	85	
* Các môn thi tốt nghiệp							
1. Giáo dục chính trị							
2. Lịch sử Múa							
3. Biểu diễn							

*** Kế hoạch đào tạo chi tiết:**

TT	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	SỐ TIẾT	NĂM 1		NĂM 2		NĂM 3	
				KỶ 1	KỶ 2	KỶ 3	KỶ 4	KỶ 5	KỶ 6
I	Các môn học chung	17	255						
1	Giáo dục chính trị	2	30		30				
2	Pháp luật	1	15	15					
3	Giáo dục thể chất	2	30	30					
4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	45		45				
5	Tin học	3	45		45				
6	Ngoại ngữ (Tiếng anh)	6	90	45	45				
II	Các môn học CS ngành và chuyên ngành	82	2160						
II.1	Môn học cơ sở ngành	9	180						
7	Độc nhạc	3	60	30	30				
8	Lịch sử múa	3	60		60				
9	Múa hiện đại	3	60			60			
II.2	Môn học chuyên ngành	73	1980						
10	Thực hành biểu diễn TP múa	14	330				90	120	120
11	Múa dân gian dân tộc	24	540	90	90	90	90	90	90
12	Múa cổ điển châu Âu	21	480	105	105	90	90	90	
13	Thực tập nghề nghiệp	14	630			135	135	180	180
II.3	Môn học tự chọn	2	30						
14	Kỹ năng giao tiếp	2	30						30
	Múa sân khấu truyền thống								
	Cộng	101	2445	315	450	375	405	480	420
	* Các môn thi tốt nghiệp								
1	Giáo dục Chính trị								
2	Lịch sử Múa								
3	Biểu diễn								

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường tổ chức, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khoá tại các Đoàn nghệ thuật; Nhà hát ca múa nhạc; Địa danh văn hóa lịch sử hoặc tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện và các đợt sinh hoạt chính trị.

- Thời gian cho hoạt động giáo dục ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Sinh hoạt văn hoá, văn nghệ	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện để đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 12 của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Thi kết thúc môn học được thực hiện bằng các hình thức thi: Viết; Vấn đáp; Trắc nghiệm; Thực hành.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 25 phút/sinh viên

- Lịch thi của kỳ thi chính được thực hiện theo kế hoạch đào tạo trong năm học và được thông báo cho sinh viên trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần. Quá trình thi, chấm và thông báo kết quả được thực hiện đúng theo các quy định của Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo của ngành học và điểm tổng kết mỗi môn học phải đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

- Điểm rèn luyện: Sinh viên đạt điểm xếp loại rèn luyện toàn khóa học từ loại Trung bình trở lên.

- Hồ sơ sinh viên: Đầy đủ theo quy định

- Có điểm Giáo dục quốc phòng, an ninh và Giáo dục thể chất.

- Hoàn thành chương trình thực tập nghề nghiệp của nhà trường.

* Để tốt nghiệp ra trường sinh viên phải thi tốt nghiệp các môn sau:

tt	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Giáo dục chính trị	Viết	120 phút
2	Lịch sử múa	Viết	120 phút
3	Biểu diễn tác phẩm	Biểu diễn (<i>Múa dân gian dân tộc và Thực hành Biểu diễn tác phẩm múa</i>)	30 phút

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và tiến hành cấp bằng cho người học theo đúng quy định.

4.5. Các chú ý khác (Nếu có)

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các phòng, ban, khoa (để thực hiện)
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Minh Cường

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

- Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	3	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;
- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3

NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn

lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC PHÁP LUẬT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	7	5	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
 - 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật
 - 2.2.1.2. Chế định pháp luật
 - 2.2.1.3. Ngành luật
- 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
 - 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay.

Bài 2

HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
 - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
 - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
 - 2.2.1. Chế độ chính trị
 - 2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
 - 2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3:

PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
 - 2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
 - 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
 - 2.3.3. Hợp đồng lao động
 - 2.3.4. Tiền lương
 - 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
 - 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
 - 2.3.7. Kỷ luật lao động
 - 2.3.8. Tranh chấp lao động
 - 2.3.9. Công đoàn

Bài 4: **PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng.

Bài 5: **PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

3. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

5. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

6. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH .

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC
CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức: Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng: Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương - Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	6	1	5	
2	Bài 2: Điền kinh	8	1	7	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1

TT	Chương - Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	14	1	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	14	1	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	14	1	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	14	1	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	14	1	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	14	1	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	14	1	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	14	1	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I

GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;

- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
- 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
- 2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
 - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
 - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
 - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II

CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bơi lội
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi
 - 2.2.2. Động tác chân và tay
 - 2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THUỘC KHỐI CÁC
MÔN HỌC CHUNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

- 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
- 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.5. Thảo luận

Bài 5

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc
 - 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
 - 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
 - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
 - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
 - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
 - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

Bài 6:
**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM
VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7:
ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

- 2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
- 2.3. Thực hành

Bài 9: **KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;

- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC TIN HỌC THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm
2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	4	3	1	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	4	2	2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	15	3	12	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	9	3	6	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	8	2	6	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	4	2	2	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I

HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

- 2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

- 2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

- 2.5.1. Lựa chọn máy in
- 2.5.2. In

Chương III XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

Chương IV

SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V

SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).

Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TIẾNG ANH
THUỘC KHỐI CÁC MÔN HỌC CHUNG
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình

bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chôn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Stt	Tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	

Stt	Tên bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành thảo luận bài tập	Kiểm tra
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	9	3	4	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1

GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2

THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3

ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4

CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6 KỠ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7

CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8

SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng đơn vị giáo dục, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đọc nhạc

Mã môn học: MH 07

Thời gian môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; thực hành: 30 giờ; kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo.

2. Tính chất: Là môn học tích hợp trong chương trình đào tạo, cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng nghe và đọc nhạc.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức:** Người học nắm được kiến thức cơ bản về cao độ, trường độ, điệu thức, loại nhịp ở mức độ đơn giản.

- **Kỹ năng:** Nhận biết, ứng dụng kiến thức nghe và đọc nhạc vào học tập và thực tế.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học có khả năng vận dụng kiến thức trong học tập và thực hành nghề.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	HỌC KỲ I (30 giờ)				
1	Bài 1: - Phần lý thuyết âm nhạc ban đầu - Làm quen với cao độ cơ bản.	3	2	1	
2	Bài 2: - Các trường độ cơ bản - Nhịp đơn (2/4, C hoặc 4/4) - Bài luyện đọc cao độ với các tiết tấu tròn, trắng, đen.	3	2	1	
3	Bài 3: - Giọng C - dur tự nhiên	3	1	2	
4	Bài 4: - Nốt móc đơn - Quãng 2, kết hợp thêm các tiết tấu đã học.	3	1	2	
5	Bài 5: - Dấu lặng. - Quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học.	3	1	2	
6	Bài 6: - Nốt móc kép. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc kép (chùm 4 kép) trong nhịp 2/4, 3/4, (C hoặc 4/4)	3	1	2	

7	Bài 7: - Ôn tập, củng cố - Thực hành kiểm tra	3	1	1	1
8	Bài 8: - Nốt chấm đôi. - Giới thiệu và học quãng 4, kết hợp thêm các tiết tấu đã học	3	2	1	
9	Bài 9: - Nhịp lấy đà, Dấu nói, dấu luyện, dấu miễn nhịp.	3	2	1	
10	Bài 10: - Củng cố kiến thức Thực hành kiểm tra	3	0	2	1
HỌC KỲ II (30 giờ)					
11	Bài 11: Giọng a - moll tự nhiên	3	2	1	
12	Bài 12: - Các quãng rộng (quãng 5, q6) Giọng a - moll (hòa thanh, giai điệu).	3	2	1	
13	Bài 13: - Các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép.	3	1	2	
14	Bài 14: - Nốt đơn chấm đôi (móc giật)	3	1	2	
15	Bài 15: - Củng cố kiến thức - Thực hành kiểm tra	3	1	1	1
16	Bài 16: - Tiết tấu chùm 3	3	1	2	
17	Bài 17: - Nhịp 3/8	3	2	1	
18	Bài 18: - Tiết tấu đảo phách, nghịch phách	3	2	1	
19	Bài 19: - Nhịp 6/8	3	1	2	
20	Bài 20: - Ôn tập, củng cố kiến thức (giọng C – dur và a = moll) - Thực hành kiểm tra	3	0	2	1
	Cộng	60	26	30	4

2. Nội dung chi tiết học phần:

HỌC KỲ I
Bài 1
LÀM QUEN VỚI CAO ĐỘ

1. Mục tiêu

- Người học nắm được khuông nhạc, vị trí 7 nốt nhạc cơ bản trên khóa sol, nhớ mặt nốt và đọc đúng cao độ.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Khuông nhạc, dòng phụ, nốt nhạc

2.1.2. Khóa Sol và vị trí các âm cơ bản trên khóa

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Nhận mặt nốt nhanh và đọc đúng cao độ

2.2.2. Bài luyện đọc cao độ

Bài 2

CÁC TRƯỜNG ĐỘ CƠ BẢN NHỊP ĐƠN (2/4, 3/4, 4/4)

1. Mục tiêu

- Người học nhận biết được loại nhịp (cụ thể nhịp 2/4, 3/4, C hoặc 4/4), các trường độ cơ bản và biết cách phân chia giá trị phách các trường độ cơ bản đó (giới thiệu bài nốt tròn, đen, trắng).

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các trường độ cơ bản. Giá trị trường độ cơ bản và cách phân chia.

2.1.2. Giới thiệu nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.1.3. Giá trị phách trong mỗi loại nhịp

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Nhận mặt nốt nhanh và đọc đúng cao độ

2.2.2. Bài luyện đọc cao độ với các tiết tấu tròn, trắng, đen.

Bài 3

GIỌNG ĐÔ TRƯỞNG TỰ NHIÊN (C - dur)

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc ở giọng C - dur tự nhiên

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Giọng C - dur tự nhiên.

2.1.2. Hướng dẫn phân tích trên gam C - dur tự nhiên.

2.2. Đọc nhạc.

2.2.1. Gam C - dur tự nhiên.

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 4 **NỐT MÓC ĐƠN**

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được tiết tấu móc đơn trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt móc đơn

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc đơn trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 2, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 5 **DẤU LẶNG**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có dấu lặng (nghi).

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Các dấu lặng.

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý dấu lặng trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 6 **NỐT MÓC KÉP**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có tiết tấu móc kép trong nhịp 2/4, 3/4 (C hoặc 4/4).

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt móc kép

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt móc kép (chùm 4 kép) trong nhịp 2/4, 3/4 (C hoặc 4/4).

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur: quãng 2, quãng 3, kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 7 **ÔN TẬP, Củng cố kiến thức**

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Ôn lại các kiến thức đã học

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn tập Gam C - dur (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi đã học.

2.2.3. Thực hành kiểm tra bài đọc trong phạm vi kiến thức đã học

Bài 8 **Nốt chấm đôi**

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được tiết tấu chấm đôi trong các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1.1. Lý thuyết

2.1.2. Nốt chấm đôi

2.1.3. Hướng dẫn cách xử lý nốt đen chấm đôi trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur (quãng 4) kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 9 **NHỊP LẤY ĐÀ, DẤU NỔI, DẤU LUYẾN, DẤU MIỄN NHỊP**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có phách lấy đà, dấu nổi, dấu luyện, dấu miễn nhịp trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nhịp lấy đà (nhịp thiếu). Dấu nổi, dấu luyện, dấu miễn nhịp...

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý bài đọc có phách lấy đà, dấu nối, dấu luyện, dấu miễn nhịp trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam C - dur kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 10 **ÔN TẬP, KIỂM TRA**

1. Mục tiêu

- Thực hiện được bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học trên giọng C-dur

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Ôn lại các kiến thức đã học liên quan đến bài đọc

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn tập gam C - dur (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C- dur trong phạm vi đã học.

2.2.3. Sinh viên bốc thăm và đọc bài đọc nhạc trong phạm vi kiến thức đã học ở giọng C- dur

HỌC KỲ II **Bài 11** **GIỌNG LA THỨ TỰ NHIÊN (a - moll)**

1. Mục tiêu

- Người học nắm được đặc điểm cấu trúc và xử lý được bài đọc nhạc ở giọng a - moll tự nhiên.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Đặc điểm giọng a - moll tự nhiên

2.1.2. Hướng dẫn phân tích trên gam a - moll tự nhiên.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a - moll kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 12 **CÁC QUÃNG RỘNG** **GIỌNG LA THỨ HÒA THANH**

1. Mục tiêu

- Người học nắm hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có các quãng rộng

- Nắm được cấu trúc gam a - moll hòa thanh

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các quãng rộng (quãng 5, quãng 6)

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý các quãng rộng trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.1.3. Gam a - moll (hòa thanh, giai điệu).

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a - moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 13

CÁC DẠNG CƠ BẢN CỦA TIẾT TẤU ĐƠN, KÉP

1. Mục tiêu

- Biết xử lý bài đọc nhạc có các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Các dạng cơ bản của tiết tấu đơn, kép (Tiết tấu đơn trước kép sau hoặc kép trước đơn sau)

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu đơn trước kép sau, kép trước đơn sau trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a- moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 14

NỐT ĐƠN CHẤM DÔI

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và xử lý được bài đọc nhạc có tiết tấu đơn chấm đôi.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nốt đơn chấm đôi (móc giật).

2.1.2. Hướng dẫn xử lý tiết tấu đơn chấm đôi trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a - moll hòa thanh kết hợp với các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll hòa thanh trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 15 **ÔN TẬP**

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học (từ Tuần 13)

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Củng cố lại các dạng tiết tấu đã học đã học (từ tuần 16)

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn gam C - dur và a - moll (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C - dur và a - moll trong phạm vi đã học.

Bài 16 **TIẾT TẤU CHÙM 3**

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có tiết tấu chùm 3 trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Tiết tấu chùm 3.

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu chùm 3 trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a - moll tự nhiên và hòa thanh kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 17 **NHỊP 3/8**

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được giá trị phách của nhịp 3/8 trong các bài đọc nhạc.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nhịp 3/8 giới thiệu một số âm hình tiết tấu cơ bản.

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý phách trong nhịp 3/8.

2.2. Đọc nhạc

- 2.2.1. Ôn luyện gam C - dur và a - moll (theo mẫu)
- 2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur và a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 18

TIẾT TẤU ĐẢO PHÁCH, NGHỊCH PHÁCH

1. Mục tiêu

- Người học hiểu và biết xử lý bài đọc nhạc có tiết tấu đảo phách trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Tiết tấu đảo phách, nghịch phách

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý tiết tấu đảo phách, nghịch phách trong nhịp 2/4, 3/4, 4/4.

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Gam a moll kết hợp thêm các tiết tấu đã học (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng a- moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 19

NHIP 6/8

1. Mục tiêu

- Người học xử lý được giá trị phách của nhịp 6/8 trong các bài đọc nhạc.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Nhịp 6/8. Tiết tấu cơ bản

2.1.2. Hướng dẫn cách xử lý phách trong nhịp 6/8

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn gam C - dur và a - moll (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc ở giọng C - dur và a - moll trong phạm vi kiến thức đã học.

Bài 20

ÔN TẬP, KIỂM TRA

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các bài đọc tổng hợp các kiến thức đã học

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết

2.1.1. Củng cố lại các dạng tiết tấu đã học đã học

2.1.2. Thực hành kiểm tra bất kỳ các kiến thức đã học

2.2. Đọc nhạc

2.2.1. Ôn tập gam C - dur và a - moll (theo mẫu)

2.2.2. Luyện bài đọc nhạc giọng C - dur và a - moll trong phạm vi đã học.

2.2.3. Thực hành kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học tập thể (Cách âm)

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Piano, bảng kẻ khuông nhạc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tập bài giảng Đọc nhạc 1, các tài liệu tham khảo, vở chép nhạc, tẩy, bút chì..

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá kiến thức cơ bản qua việc thực hành đọc nhạc trên lớp và ứng dụng vào chuyên ngành...

- **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của người học thông qua thực hành nghề

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức trong học tập và thực hành nghề.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Đọc nhạc được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp ngành đào tạo Diễn viên múa trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật tây bắc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình; vấn đáp; gợi mở

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng vào các môn học khác.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chương trình đã cắt lọc tối đa vì vậy các bài học đều là kiến thức quan trọng với người học

4. Tài liệu tham khảo: Giáo trình giảng dạy ký xướng âm trình độ 1 của Học viện âm nhạc Quốc gia và một số tài liệu tham khảo của các trường Đại học nghệ thuật khác ở Trung ương và Hà Nội....

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

6. Quy trình hình thức thi; thời gian làm bài; điều kiện thi hết môn

- Hình thức thi: Thực hành
- Thời gian thi: 10 phút/ 01 người học (theo thứ tự danh sách thi).
- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Lí luận lịch sử múa

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, bài tập: 30; kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành trình độ trung cấp, ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc.

- Tính chất: Là môn học lý thuyết chuyên môn bắt buộc cung cấp những khái niệm cơ bản, kỹ năng nhận biết, đánh giá, cần thiết về lịch sử và lý luận trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học

Môn học này nhằm giải quyết tổng quan về nghệ thuật múa. Quá trình hình thành cũng như phát triển của nghệ thuật múa

- Về kiến thức:

+ Nắm được các khái niệm, lịch sử phát triển của nghệ thuật Múa; các đặc trưng, đặc điểm và các thể loại, hình thái nghệ thuật Múa.

+ Hiểu được nội dung tác phẩm múa và nắm được quá trình hình thành tác phẩm.

+ Hiểu rõ những giá trị nghệ thuật phát triển qua từng giai đoạn.

- Về kỹ năng: Sử dụng kiến thức có được để phát triển khả năng biểu diễn thực hành và sáng tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có trách nhiệm lưu giữ những giá trị lịch sử văn hóa xã hội; Vận dụng và phát triển kiến thức có sáng tạo .

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Chương I: Nguồn gốc và sự hình thành nghệ thuật Múa. Bài 1: Nguồn gốc nghệ thuật Múa Bài 2: Các học thuyết về nghệ thuật Múa.	20	9	10	1

2	Chương II: Hình thái nghệ thuật Múa. Bài 1: Hình thái múa dân gian. Bài 2: Đặc trưng nghệ thuật Múa.	20	9	10	1
3	Chương III: Mối quan hệ giữa các đặc trưng nghệ thuật Múa. Bài 1: Đặc trưng ngôn ngữ Múa. Bài 2: Đặc trưng tư duy hình tượng.	20	9	10	1
Cộng		60	27	30	3

Chương I **Nguồn gốc và sự hình thành nghệ thuật Múa**

Mục tiêu: Nhằm giải quyết tổng quan về nghệ thuật Múa. Quá trình hình thành và phát triển

Bài 1: Nguồn gốc nghệ thuật Múa

Bài 2: Các học thuyết về nghệ thuật Múa.

Chương II **Hình thái nghệ thuật Múa**

Bài 1: Hình thái múa dân gian.

Bài 2: Đặc trưng nghệ thuật Múa.

Chương III **Mối quan hệ giữa các đặc trưng nghệ thuật Múa.**

Bài 1: Đặc trưng ngôn ngữ Múa.

Bài 2: Đặc trưng tư duy hình tượng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Đầu đĩa CD, VCD, Loa máy, màn chiếu
3. Học liệu, dụng cụ: Tài liệu học tập, giáo trình, tập bài giảng, vở chép bài

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Được đánh giá kiến thức qua các bài kiểm tra

- Về kỹ năng: Nắm bắt và ghi nhớ các khái niệm quan trọng, các mốc phát triển, các đặc điểm, đặc trưng của nghệ thuật múa qua đó giúp người diễn viên hiểu sâu nội dung tác phẩm múa một cách chính xác và có tính lý luận cao.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Nhận thức đúng những giá trị lịch sử văn hóa xã hội; vận dụng và phát triển kiến thức có sáng tạo

+ Đảm bảo số tiết môn học và điểm kiểm tra hệ số theo qui chế đào tạo

+ Tham gia đầy đủ các hoạt động khác trong giờ học.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dùng cho giảng dạy ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình; Vấn đáp; Gọi mở

- Đối với người học: Tiếp thu, ghi nhớ kiến thức và vận dụng vào các môn học khác.

- Tham khảo nhiều tác phẩm, nhạc múa ngoài chương trình học để nâng cao vốn hiểu biết về nghệ thuật.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Bích, (1976), *Múa dân gian truyền thống người Việt*, Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật số 3

- Lê Ngọc Canh (1997), *Khái luận nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- Lê Ngọc Canh, (1974), *Tìm hiểu ngôn ngữ múa*, Tạp chí văn nghệ quân đội số 8

- Phan Hữu Dật, (1973), *Cơ sở dân tộc học*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội

- Cao Huy Dinh, (1964), *Tìm hiểu thần thoại Ấn Độ*, Nxb Khoa học Hà Nội.

- Đỗ Bằng Đoàn - Nguyễn Trọng Huệ, (1976), *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Nxb Hoa Lư.

- Nguyễn Đình Khoa, (1976), *Các dân tộc ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội

- Đỗ Minh, (1975), *Bước đầu tìm hiểu ca nhạc dân gian Việt Bắc*. Nxb Việt Bắc.

- V.Lenin, (1960), *Bàn về Văn hóa nghệ thuật*, Nxb sự thật Hà nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 120 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa hiện đại

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành bài tập: 30 giờ và kiểm tra 03 giờ)

- **Vị trí:** Là môn học chuyên ngành, trình độ trung cấp, ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc.

- **Tính chất:** Là môn học tích hợp, cung cấp những kiến thức và kỹ năng biểu diễn trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Rèn luyện kỹ năng cảm nhận, kiểm soát, cân bằng và sự chuyển động của cơ thể trong nhịp điệu và không gian....nhằm giải phóng cơ thể giúp cho người học:

+ Làm quen với lực tương tác

+ Các kỹ thuật lớn di chuyển trên mặt sàn

+ Có khả năng bắt chước và tư duy ngẫu hứng, sự nhạy bén về các kỹ thuật di chuyển trên mặt sàn, lực tương tác, bổ trợ đầy đủ kiến thức cho các hệ thống múa khác được thuận lợi và có hiệu quả cao

- Về kỹ năng: Nhận biết, đánh giá, phân tích và diễn giải được ý đồ của ngôn ngữ múa khi kết hợp cùng âm nhạc mang hơi thở hiện đại; kỹ năng múa ngẫu hứng và bắt đầu làm việc với tư duy sáng tạo của học sinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết rõ vai trò và trách nhiệm của một diễn viên biểu diễn nghệ thuật múa dân gian dân tộc. Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
Học kỳ III		60	27	30	3
1	Bài 1: Bước đầu giải phóng cơ thể	60	9	10	3
2	Bài 2: Thả lỏng cơ thể trên mặt sàn		9	10	
3	Bài 3 : Đánh thức các cơ, gân và cảm giác từng bộ phận đến toàn bộ cơ thể		9	10	

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ III

Bài 1

Bước đầu giải phóng cơ thể

Sử dụng toàn bộ phần cơ bản trong hiện đại trên cơ sở tăng cường tối đa trên nửa bàn chân, tiết tấu linh hoạt tăng cường kỹ thuật xoay chuyển tiếp và di chuyển không gian và luật động tập trung - tưởng tượng (Relaxing – Concentrating – Visualizing).

Giúp cho học sinh hoàn thiện kỹ thuật, kỹ xảo, nâng cao tính thẩm mỹ và khả năng biểu cảm, rèn luyện và phát triển trọng tâm, sự ổn định cân bằng của cơ thể, làm quen với các dạng tour lent phối hợp với hoạt động của thân trên và tay. Tăng cường cơ bắp với các bài tập dài hơi, tạo sức bền bên trong của học sinh khi thực hiện các dạng bài tập ở tiết tấu nhanh và thay đổi về mặt phương hướng. .

1. Các tư thế

1.1. Đứng

1.2. Ngồi

1.3. Nằm

2. Các hướng đầu

2.1. Thẳng

2.2. Cạnh

2.3. Cúi

2.4. Ngửa

3. Thế chuẩn bị và các thế chân thẳng

3.1. Thế một (I)

3.2. Thế hai (II) (song song)

3.3. Thế hai rộng (II)

3.4. Thế ba (III)

4. Các thế chân mở (Sử dụng một số thế chân ballet)

4.1. Thế một (I) (Không mở hết như thế (I) ballet)

4.2. Thế hai (II)

5. Các thế tay thẳng

5.1. Tư thế chuẩn bị (CB)

5.2. Thế một (I)

5.3. Thế hai (II)

- 5.4. Thế ba (III)
- 5.5. Các thế tay tròn (Sử dụng một số tay ballet)
 - 5.5.1. Thế một (I)
 - 5.5.2. Thế hai (II)
 - 5.5.3. Thế ba (III)

Bài 2

Thả lỏng cơ thể trên mặt sàn

Giúp cho học sinh phát triển hơn nữa về sức bật của cổ chân, rèn luyện sự phát triển của Ballon giữ lại ở trên không lâu hơn và sử dụng tiết tấu âm nhạc nhanh hơn, tạo cho động tác được nhảy và di chuyển xung quanh sàn rộng hơn.

- + Kiểm soát cơ thể với mặt sàn
- + Cân bằng cơ thể trong trạng thái mất trọng lực
- + Tăng cường khả năng làm việc độc lập, sự nhạy bén, khả năng bắt chước và tư duy ngẫu hứng.

1. Phần cột sống
 - 1.1. Cúi về đằng trước nửa lưng, cả lưng với chân thế hai (II) thẳng và plie
 - 1.2. Ngửa ra sau
 - 1.3. Nghiêng sang cạnh
2. Dụng bài giải phóng cơ thể và khởi động
3. Phần chân
 - Khởi động phần cổ chân, ngón chân, đầu gối và khớp háng
 - 3.1. Thẳng đầu gối
 - 3.2. Kết hợp Plie, Releve (Có thể kết hợp với Fondu)
4. Phần bả vai và tay
 - 4.1. Xoay và quay bả vai, cuộn cổ tay
 - 4.2. Quăng tay

Bài 3

Đánh thức các cơ, gân và cảm giác từng bộ phận đến toàn bộ cơ thể

Nắm bắt và sử lý được một số cách tiếp cận múa đôi và múa tập thể.

1. Phần lưng
 - 1.1. Port de bras trước cạnh sau, kết hợp với đầu, tay, chân
 - 1.2. Dùng lưng để nhảy, quay, tạo đà đơn giản
2. Phần giãn cơ, đánh thức các cơ và gân
 - 2.1. Giãn cơ bả vai
 - 2.2. Giãn chéo người

- 2.3. Giãn gập người
- 2.4. Ép dẻo
- 3. Phần ke
 - 3.1. Ke thân trước (Ke cơ bụng)
 - 3.2. Ke thân sau (Ke cơ lưng)
- 4. Phần đá chân
 - 4.1. Các hướng: Trước, cạnh, sau
 - 4.2. Kết hợp với xoay lật
- 5. Phần di chuyển
 - 5.1. Quay ngang di động
 - 5.2. Di chuyển cơ thể trong không gian

Định hình về các bài tập, tổ hợp

1. Múa ngẫu hứng Improvisation: (có sắp xếp về trình thức chuyển động, tuyến, đội hình, không gian hay âm nhạc)
2. Múa tương tác 2 người là sự tác động lực giữa 2 hay nhiều người (sử dụng lực tác động lên cơ thể nhằm tạo luật động, lực tác động có thể mạnh hoặc nhẹ, xa hoặc gần)
3. Múa di chuyển 2 đến 3 người, tạo lên những kỹ thuật, kỹ xảo bằng những tạo hình động hoặc tĩnh
4. Múa bắt chước dưới mọi hình thức là sao chép luật động của người khác, ngã, phục hồi (roi, ngã, đổ, thối từ trên không xuống mặt sàn và phục hồi lại vị trí ban đầu hoặc sang một không gian mới) và ngẫu hứng với đạo cụ tự chọn hoặc theo yêu cầu của giáo viên.
5. Múa kỹ thuật solo được diễn ra trong 2 hoặc 3 phút thể hiện kỹ thuật kỹ xảo, nhuần nhuyễn ở trình độ tương đương với năng lực học sinh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học đảm bảo đúng qui cách, mặt sàn bằng gỗ, cao su có đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, đảm bảo an toàn cho giảng viên và học sinh .
2. Trang thiết bị máy móc: Đài đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.
3. Học liệu, dụng cụ:
 - Biểu đồ so sánh, video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
 - Giày múa và các dụng cụ có liên quan đến học phần
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

+ Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học

+ Phương pháp thực hành luyện tập

+ Hiểu được ngôn ngữ động tác, tác phẩm múa mà mình trình bày

- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:

+ Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản

+ Thuộc bài, xử lý bài

+ Có sự sáng tạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ Trung cấp.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Tài liệu tham khảo:

- Lê Hải Minh. Hà Thái Sơn. *Chương trình chi tiết môn học múa đương đại hệ Cao đẳng diễn viên múa.*

- Trần Ly Ly. *Chương trình chi tiết môn học múa Hiện đại*

- Hà Thái Sơn. *Xây dựng chương trình múa Hiện đại trong các trường văn hóa nghệ thuật*

- Hà Thái Sơn: *Ứng dụng ngôn ngữ múa hiện đại trong sáng tác múa ở Việt Nam hiện nay.* Luận văn thạc sỹ.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 30 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành biểu diễn tác phẩm

Mã môn học: MH 10

Thời gian thực hiện môn học: 330 giờ (Lý thuyết: 78 giờ; Thực hành bài tập: 240 giờ và kiểm tra 12 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên ngành chính, được thực hiện từ học kỳ IV khi người học đã có những kiến thức cơ bản về múa Cổ điển Châu Âu, múa Hiện đại và múa Dân gian dân tộc..

- Tính chất: Là môn học tích hợp, bao gồm một số kiến thức cơ bản giúp người học tập luyện để nâng cao khả năng biểu diễn trong nghệ thuật Múa, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trau dồi những kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật múa một cách bài bản theo các thể loại múa Hiện đại, múa cổ điển và múa dân gian; cách thức biểu diễn sáng tạo để thu hút người xem; giải quyết những tình huống trong quá trình biểu diễn tác phẩm múa.

- Về kỹ năng: Nâng cao khả năng biểu diễn và phong cách múa. Áp dụng được chương trình môn học vào thực tiễn, có khả năng biểu diễn solo, múa tập thể, khả năng ứng biến với những vấn đề sân khấu,

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành bài tập	Kiểm tra
Học kỳ IV		90	26	60	4
1	Bài 1: - Giới thiệu môn học - Giới thiệu các hình thức thể loại múa trong tác phẩm	90	8	20	4
2	Bài 2: Tác phẩm múa 1 - Hình thức: Tập thể - Chất liệu: Dân gian (Việt, Mông, Tày, Thái, Khơ mú)		9	20	

3	Bài 3: Tác phẩm múa 2 - Hình thức: Tập thể - Chất liệu: Dân gian (Mông, Việt, Tày, Thái, Khơ mú,)		9	20	
Học kỳ V		120	26	90	4
4	Bài 4: Tác phẩm múa 3 - Hình thức: Dio; Trio - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Việt, Mông, Tày, Thái, Khơ mú, Hà nhì, Mường)	90	8	30	4
5	Bài 5: Tác phẩm múa 4 - Hình thức: Solo - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Mông, Tày, Thái, Khơ mú, Hà nhì, Mường)		9	30	
6	Bài 6: Tác phẩm múa 5 - Hình thức: Tập thể - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Khơ mú, Hà nhì, Mường)		9	30	
Học kỳ VI		120	26	90	4
7	Bài 7: Tác phẩm múa 6 - Hình thức: Tập thể - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Khơ mú, Hà nhì, Mường, Lào, Dao)	90	6	20	4
8	Bài 8: Tác phẩm múa 7 - Hình thức: Solo, Dio - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Khơ mú, Hà nhì, Mường, Lào, Dao)		6	20	
9	Bài 9: Tác phẩm múa 8 - Hình thức: Solo, Dio - Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Khơ mú, Hà nhì, Mường, Lào, Dao)		8	20	
10	Bài 10: Hệ thống lại toàn bộ các tác phẩm múa				

được học từ chương trình học Biểu diễn tác phẩm - Chạy và chuốt bài chuẩn bị cho chương trình thi tốt nghiệp		8	30	
Tổng	330	78	240	12

2. Nội dung chi tiết:

HỌC KỲ IV

Phần học thực hành biểu diễn tác phẩm ở học kỳ 4 nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về cách thể hiện ở các trạng thái: Vui vẻ, hồn nhiên, nhí nhảnh, yêu đời. Biết biểu cảm thông qua hình thức múa đơn giản (các đoạn múa): Dân gian các dân tộc Việt Nam bắt đầu hình thành và biết phân biệt phong cách múa

Bài 1:

Giới thiệu môn học

Giới thiệu các hình thức thể loại múa trong tác phẩm

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh nắm được vai trò, vị trí của múa trong đời sống xã hội và một số loại hình nghệ thuật có liên quan mật thiết với nghệ thuật múa nhằm đáp ứng yêu cầu kết hợp học với hành, rèn tập với sân khấu biểu diễn.

- Giới thiệu cho học sinh những tác phẩm múa, có liên quan tới quá trình học tập. Giúp học sinh có thể hiểu được nội dung, ý nghĩa, biểu cảm, cảm xúc của tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm, vai trò, vị trí và chức năng của nghệ thuật múa trong đời sống xã hội.

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Vai trò, vị trí và chức năng của nghệ thuật Múa.

2.1.3. Một số loại hình nghệ thuật có liên quan.

2.1.4. Khả năng biểu diễn của múa trong việc phản ánh hiện thực cuộc sống.

2.1.5. Vai trò, vị trí của người diễn viên trong việc thể hiện các tác phẩm và cách xử lý một tổ hợp, động tác múa.

2.1.6. Vai trò.

2.1.7. Vị trí.

2.2. Học sinh xem tác phẩm qua băng đĩa VCD. DVD

Bài 2: **Tác phẩm múa 1**

- Hình thức: Tập thể
- Chất liệu: Dân gian (Việt, Mông, Tày, Thái, Khơ mú)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.
- Sắc thái , biểu cảm, tính chất dân tộc trong tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

2.1.1. Thay đổi cường độ.

2.1.2. Thay đổi tốc độ.

2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.

2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.

2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.

2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.

2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

Bài 3: **Tác phẩm múa 2**

- Hình thức: Tập thể
- Chất liệu: Dân gian (Mông, Việt, Tày, Thái, Khơ mú,)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.
- Sắc thái , biểu cảm, tính chất dân tộc trong tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

2.1.1. Thay đổi cường độ.

2.1.2. Thay đổi tốc độ.

2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.

2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.

2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.

2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.

2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm

HỌC KỲ V

Môn múa thực hành biểu diễn tác phẩm ở học kỳ 5 nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về cách thể hiện, tính biểu cảm thông qua hình thức

múa đơn giản (các tác phẩm múa): Dân gian các dân tộc Việt Nam; Múa cổ điển Châu Âu, Hiện đại; Truyền thống bắt đầu hình thành và biết phân biệt phong cách múa.

Bài 4: Tác phẩm múa 3

- Hình thức: Dio; Trio
- Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Việt, Mông, Tày, Thái, Khơ mú, Hà nhì, Mường)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.
- Sắc thái, biểu cảm, tính chất tác phẩm

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

2.1.1. Thay đổi cường độ.

2.1.2. Thay đổi tốc độ.

2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.

2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.

2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.

2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.

2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

Bài 5: Tác phẩm múa 4

- Hình thức: Solo
- Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Mông, Tày, Thái, Khơ mú, Hà nhì, Mường)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.
- Sắc thái, biểu cảm, tính chất dân tộc Kinh.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

2.1.1. Thay đổi cường độ.

2.1.2. Thay đổi tốc độ.

2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.

2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.

2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.

2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.

2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

Bài 6: Tác phẩm múa 5

- Hình thức: Tập thể

- Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống; Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Kơ mú, Hà nhì, Mường)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.

- Sắc thái, biểu cảm, tính chất tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

2.1.1. Thay đổi cường độ.

2.1.2. Thay đổi tốc độ.

2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.

2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.

2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.

2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.

2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

HỌC KỲ VI

Phần học thực hành biểu diễn tác phẩm ở học kỳ 6 nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về cách thể hiện ở các trạng thái: Lãng mạn, tự sự, trữ tình, yêu thương, triu mến. Sự biểu cảm thông qua hình thức múa tác phẩm dựa trên chất liệu học cơ bản của múa: Dân gian các dân tộc Việt Nam; Múa cổ điển Châu Âu bắt đầu hình thành và biết phân biệt phong cách múa.:

Bài 7 Tác phẩm múa 6

- Hình thức: Tập thể

- Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Kơ mú, Hà nhì, Mường, Lào, Dao)

1. Mục tiêu:

- Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.

- Sắc thái, biểu cảm, tính chất tác phẩm.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.

- 2.1.1. Thay đổi cường độ.
- 2.1.2. Thay đổi tốc độ.
- 2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.
- 2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.
- 2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.
- 2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.
- 2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

Bài 8: Tác phẩm múa 7

- Hình thức: Solo, Duo
- Chất liệu: Cổ điển châu Âu; Hiện đại; Truyền thống Dân gian: (Mông, Tày, Việt, Khơ mú, Hà nì, Mường, Lào, Dao)

1. Mục tiêu:
 - Nắm được cách xử lý các tổ hợp động tác trong các tác phẩm múa.
 - Sắc thái , biểu cảm, tính chất dân tộc.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Cách xử lý các tổ hợp, động tác trong tác phẩm múa.
 - 2.1.1. Thay đổi cường độ.
 - 2.1.2. Thay đổi tốc độ.
 - 2.2. Dàn dựng tác phẩm biểu diễn.
 - 2.2.1. Giới thiệu tác phẩm.
 - 2.2.2. Phân tích nội dung và kết cấu tác phẩm.
 - 2.2.3. Các động tác trong tác phẩm.
 - 2.2.4. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.

Bài 9: Ôn tập

- Hệ thống lại toàn bộ các tác phẩm múa đã được học trong chương trình môn học.

- Chạy và chuốt bài chuẩn bị cho chương trình thi tốt nghiệp

1. Mục tiêu:
 - Giúp học sinh nhớ lại tất cả các tác phẩm đã được học.
 - Biểu đạt từ sắc thái , biểu cảm, tính chất của từng tác phẩm.
 - Tạo cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm cơ bản của diễn viên, sau khi các em đã tốt nghiệp và công tác tại các đơn vị biểu diễn nghệ thuật .

2. Nội dung bài:

- 2.1. Cảm xúc, trạng thái tâm lý (vui, buồn) trong tác phẩm.
 - 2.1.1. Cảm xúc.
 - 2.1.2. Trạng thái tâm lý.
- 2.2. Cách xử lý các động tác, tư thế, tư thái trong tạo hình (động và tĩnh) và hình tượng biểu diễn.
 - 2.2.1. Động và tĩnh của tạo hình trong các tác phẩm múa.
 - 2.2.2. Tư thế, tư thái của nhân vật trong các tác phẩm múa.
- 2.2. Dàn dựng tác phẩm.
 - 2.2.1. Phân tích về tính cách nhân vật.
 - 2.2.2. Khai thác và phát triển tính cách nhân vật.
 - 2.2.3. Dàn dựng, chạy bài và chuốt các động tác trong tác phẩm.
- 2.3.1. Hệ thống lại các tác phẩm đã được học.
- 2.3.2. Chuốt lại từng tác phẩm, hướng dẫn học sinh biểu cảm, cảm xúc từng tác phẩm.
- 2.4.3. Chạy, ôn luyện chương trình tốt nghiệp.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn: Phòng học chuyên ngành múa.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Đầu đĩa CD, VCD, Loa máy, màn chiếu
- 3. Học liệu, dụng cụ: Sách chuyên ngành, tập bài giảng môn học. đạo cụ có trong tác phẩm
- 4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- 1. Nội dung:
 - Kiến thức: Đánh giá qua các buổi kiểm tra trong việc thể hiện tác phẩm, dáng nét, phong cách và một số kỹ thuật của các tác phẩm.
 - Kỹ năng: Đánh giá khả năng diễn xuất, phong cách múa, ứng dụng đội hình thể hiện tính cách nhân vật trên sân khấu để sáng tạo và biểu diễn thành công các hình tượng nghệ thuật.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

- 2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

- 1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được áp dụng đối với trình độ đào tạo 3 năm hệ Trung cấp ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc của trường cao đẳng VHNT Tây Bắc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với người dạy:

+ Cần thực hiện giảng dạy theo Chương trình môn học.

+ Phương pháp giảng dạy: Giảng dạy tích hợp, lấy học sinh làm trung tâm, đưa ra định hướng, gợi mở, học sinh quan sát, thảo luận, thực hành...

- Đối với người học: chuyên cần, tích cực tham gia thực hành, thảo luận nhóm, có sự tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khả năng diễn xuất, phong cách, dáng nét múa, ứng dụng đội hình thể hiện tính cách nhân vật trên sân khấu để sáng tạo và biểu diễn thành công các hình tượng nghệ thuật

4. Tài liệu tham khảo:

Các tác phẩm trong băng đĩa hình,

5. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 90 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa Dân gian dân tộc

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 540 giờ (Lý thuyết: 156 giờ; Thực hành bài tập: 360 giờ và kiểm tra 24 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Là môn học chuyên ngành chính, trình độ trung cấp, ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc.

- **Tính chất:** Là môn học tích hợp, cung cấp những kiến thức và kỹ năng biểu diễn trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học: Môn học nhằm đào tạo ra những diễn viên múa chuyên nghiệp có sở trường về múa dân gian dân tộc Việt Nam.

- Về kiến thức: Môn múa Dân gian Việt Nam nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về vốn múa dân gian tiêu biểu, đa dạng của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, nắm vững và phân biệt phong cách từng dân tộc.

- Về kỹ năng: Có khả năng biểu diễn solo, Duo, Trio hoặc múa tập thể trong các tác phẩm múa. Biết kết hợp yếu tố dân tộc và tinh hoa nhân loại, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
Học kỳ I		90	26	60	4
1	Bài 1: Dân tộc Việt. (phần cơ huấn)	90	15	42	4
2	Bài 2: Dân tộc Thái.		11	18	
Học kỳ II		90	26	60	4
3	Bài 3: Dân tộc Kinh (tay không)	90	7	22	4
4	Bài 4: Dân tộc H'mông		7	12	
5	Bài 5: Dân tộc Thái (quả nhạc)		6	14	
6	Bài 6: Dân tộc Tày (quả nhạc)		6	12	

Học kỳ III		90	26	60	4
7	Bài 7: Dân tộc Kinh (phần tay không)	90	5	21	4
8	Bài 8: Dân tộc Tày		5	10	
9	Bài 9: Dân tộc H'mông		5	10	
10	Bài 10: Dân tộc Khơ Mú Nghệ An		6	9	
11	Bài 11: Dân tộc Gia rai		5	10	
Học kỳ IV		90	26	60	4
12	Bài 12: Dân tộc Kinh	90	8	20	4
13	Bài 13: Dân tộc Hà Nhì		4	8	
14	Bài 14: Dân tộc Thái (khăn, quạt)		7	16	
15	Bài 15: Dân tộc Mường		2	8	
16	Bài 16: Dân tộc Khơ Mú Tây Bắc		5	8	
Học kỳ V		90	26	60	4
17	Bài 17: Dân tộc Kinh (2 quạt)	90	5	15	4
18	Bài 18: Dân tộc Thái (khăn)		7	15	
19	Bài 19: Dân tộc Tày (quạt)		5	10	
20	Bài 20: Dân tộc Ê đê		5	10	
21	Bài 21: Dân tộc Lào		4	10	
Học kỳ VI		90	26	60	4
22	Bài 22: Dân tộc Kinh (trống)	90	9	20	4
23	Bài 23: Dân tộc Thái (nón)		9	20	
24	Bài 24: Dân tộc Dao		8	20	
Tổng		540	156	360	24

2. Nội dung chi tiết

HỌC KỲ I

Được thực hiện ở học kỳ đầu tiên. Là môn học rất quan trọng, đào tạo cho diễn viên múa. Bắt buộc phải nắm vững kiến thức cơ bản, toàn bộ hệ thống phong phú và đa dạng của múa dân gian dân tộc Việt Nam trong chương trình, là “*chuyên ngành chủ đạo*” của khóa đào tạo ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ trung cấp hệ 3 năm được tiến hành trong suốt khóa học.

Bài 1: Dân tộc Việt

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Học sinh cần nắm vững những kiến thức cơ bản đầu tiên về sự hình thành phương hướng, các thế chân tay, đặt nền tảng vững chắc đầu tiên cho việc tiếp cận học tập những động tác tiếp theo, cần giải quyết kỹ các yêu cầu của độ mềm, dẻo, khéo léo và tinh tế. Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Giới thiệu hướng múa
- 6 thế chân, tay cơ bản
- Nhún mềm bằng
- Nhún giật
- Đi thế 2 bằng
- Guộn cổ tay, ngón tay
- Đi quả chám
- Đi lướt
- Xiển thế 1
- Hái đào 1 tay
- Hái đào 2 tay
- Guộn đèn a
- Vuốt guộn đuổi a-b-c
- Xiển chim bay

Bài 2: Dân tộc Thái

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Học sinh cần nắm vững những kiến thức cơ bản đầu tiên về sự hình thành phương hướng, các thế chân tay, đặt nền tảng vững chắc đầu tiên cho việc tiếp cận học tập những động tác tiếp theo, Nắm chắc kỹ thuật của phần tay múa nhạc, của phần chân đi xệt, dặm gót. Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Nhún xòe a,b
- Lay mư tay than
- Nhún mừng lay a,b

- Đi Phong thổ

HỌC KỲ II

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 2 tiếp tục trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản cốt lõi cần độ hoàn chỉnh và chuẩn xác về (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt của đầu gối, cổ chân, bàn chân, cánh tay, cổ tay, bàn tay, ngón tay, bắt đầu có sự phối hợp của toàn thân. Huấn luyện sức của chân đặc biệt là sức bền và sự linh hoạt.

Củng cố, hoàn thiện kỹ năng nhận biết và thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu.

Bài 3: Dân tộc Việt

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng guồn ngón, nhằm mục tiêu đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật guồn ngón.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Quay ngang nhún ký
- Quay ngang di động
- Gà rùng giật
- Gà rùng mềm
- Quay nửa vòng tại chỗ

Bài 4: Dân tộc H'mông

1. Mục tiêu: Học sinh cần nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản về sự hình thành phát triển ngôn ngữ múa của dân tộc Mông, thông qua những giá trị: Văn hóa, tập quán tín ngưỡng... Những đặc điểm riêng hình thành lên những động tác múa Mông (Nam múa khèn, nữ múa khăn hoặc ô).

Tiếp cận với trạng thái múa sử dụng nhiều đến phần hông, sự uyển chuyển của phần tay khi cầm khăn múa.

Nắm chắc kỹ năng cầm, sử dụng khèn khi làm các động tác ở trạng thái cúi thấp người trong nhóm những động tác múa khèn của nam

2. Nội dung bài:

- Đi xúng xính

- Vẽ vòng khăn
- Đi ngang tung khăn
- Nhún chuyển trọng lượng
- Quay ngang đổi chỗ
- Chọi gà a
- Nhảy lướt
- Đánh chân tại chỗ

Bài 5: Dân tộc Thái (Quả nhạc)

1. Mục tiêu: Nắm chắc kỹ thuật của phần tay múa nhạc, của phần chân đi mừng lay. Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Tò bó a,b
- Kép pò
- Xòe tay chiến a,b
- Phá má hình

Bài 6: Dân tộc Tày (quả nhạc)

1. Mục tiêu: Nắm chắc kỹ thuật của phần tay múa nhạc, của phần chân đi xệt, dậm gót. Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau

2. Nội dung bài:

- Dậm gót thể 1
- Đi xệt
- Đi rung nhạc
- Nhảy rung nhạc
- Sải pi oóc a,b,c

HỌC KỲ III

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 3 tiếp tục trang bị cho học sinh những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên rất cần sự hoàn chỉnh và chuẩn xác về mọi hoạt động của cơ thể khi tiếp cận với phong cách múa của từng dân tộc (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Tiếp tục huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt, sự phối hợp nhuần nhuyễn của toàn bộ cơ thể đặc biệt là sức của chân và độ mềm dẻo của lưng.

Hoàn thiện kỹ năng thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu. Đặc biệt chú trọng đến tính thẩm mỹ khi thực hiện động tác.

Bài 7: Dân tộc Việt (phần tay không)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng xoay nửa vòng, xoay cả vòng, nhằm mục tiêu đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật xoay.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Soi đèn a,b
- Câu cá
- Quay mũi gót
- Quay di động liên tục

Bài 8: Dân tộc Tày

1. Mục tiêu: 1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật động tác.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài

- Hát nẩy a
- Chèo thuyền a,b,c
- Đập lưng
- Ngồi a,b

Bài 9: Dân tộc H'mông

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Tiếp tục hoàn thiện kỹ năng quay, nhảy, nhằm mục tiêu đạt chuẩn ở kỹ thuật tinh tế, điều luyện, tăng cường độ bền và sự dẻo dai khi thực hiện kỹ thuật quay nhảy của động tác.

Cách sử lý khăn có yếu tố chuyển động rộng và phức tạp, sự phối hợp đã giữa chân và tay khi thực hiện các kỹ thuật quay, nhảy di động, nhảy kết hợp với quay.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Đánh chân di động
- Quay ngòl chéo
- Quay hất gót
- Quay mèo hoa a (tại chỗ)
- Quay mèo hoa b (di động)

Bài 10: Dân tộc Khơ Mú Nghệ An

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Sự chuyển động có tính đồng thời, cảm giác phần thân trên hơi ngật ngưỡng khi chuyển động, chú ý tinh vui hoạt trong mỗi động tác.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Lên thang
- Đánh néo
- Nện đất
- Chẻ lạt b
- Cười

Bài 11: Dân tộc Gia rai

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa trong hệ thống, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác, chú ý đến sức nén bên trong của động tác. Đặc điểm riêng của nhóm múa này hình thành lên những động tác múa Gia-Rai.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Nhún đưa mông a,b,c
- Nhún vất
- Nhún khỏ
- Nhún đưa chân sau
- Đi rung
- Nhảy nhanh nhỏ

HỌC KỲ IV

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 4 tiếp tục trang bị cho học sinh những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên rất cần sự hoàn chỉnh và chuẩn xác về mọi hoạt động của cơ thể khi tiếp cận với phong cách múa của

từng dân tộc (phương hướng, thế tay chân, cách sử lý ổn định cơ thể). Tiếp tục huấn luyện kỹ hơn về độ mềm dẻo, linh hoạt, sự phối hợp nhuần nhuyễn của toàn bộ cơ thể đặc biệt là sức của chân và độ mềm dẻo của lưng, tiếp cận và thực hiện các động tác quay tương đối nhanh và phức tạp, sử dụng cách dùng sức bên trong cơ thể.

Hoàn thiện kỹ năng thực hành 3 yếu tố cơ bản: Tạo hình; Luật động; Tiết tấu. Đặc biệt chú trọng nâng cao tính thẩm mỹ khi thể hiện mỗi động tác.

Bài 12: Dân tộc Kinh (phần 1 quạt)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Làm quen với các luật động múa 1 quạt, cách cầm, guộn quạt, cách xử lý chuyển động các tư thế quạt trong múa.

Rèn luyện kỹ năng guộn quạt, đặc biệt là phong thái (uyển chuyển, tinh tế, khéo léo) khi kết hợp cùng với luật động của phần chân trong quá trình thực hiện các bước đi mềm, kiễng, chú ý đến sắc thái biểu cảm.

2. Nội dung bài:

- Guộn quạt a
- Guộn vượt quạt
- Vòn quạt che nghiêng a
- Đề thơ (nữ)
- Lưu không a,b

Bài 13: Dân tộc tày Hà Nhì

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Rèn luyện kỹ năng phong thái (uyển chuyển, tinh tế, khéo léo) khi kết hợp cùng với luật động của phần thân trên trong quá trình thực hiện các bước đi xoay người, chú ý đến sắc thái biểu cảm.

2. Nội dung bài:

- Múa mời
- Vượt tóc
- Xoa má
- Khoe cườm
- Nhún đi được mùa
- Nhảy quay

Bài 14: Dân tộc Thái (khăn, quạt)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Thực hiện các kỹ năng uyển chuyển của phần chân trong nhóm động tác múa Thái, cách sử lý đạo cụ tay cầm quạt và khăn - đảm bảo sự tinh tế, khéo léo.

2. Nội dung bài:

- Vi hấp a
- Vi vẩy a,b
- Vi ki
- Vi len vi pấn
- Lượn vi

Bài 15: Dân tộc Mường

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống

Thực hiện các kỹ năng uyển chuyển của phần chân trong nhóm động tác múa Mường, cách sử lý phân cánh tay guộn uôn lượn - đảm bảo sự tinh tế, khéo léo.

2. Nội dung bài:

- Guộn hoa a,b
- Đọ hoa
- Đi nâng bông
- Quay bông

Bài 16: Dân tộc Khơ Mú Tây Bắc

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống .

Sự chuyển động có tính đồng thời, khi chuyển động, chú ý tinh vui hoạt trong mỗi động tác, đặc biệt là phần lắc hông.

Yêu cầu thực hiện nhuần nhuyễn các động tác sau:

2. Nội dung bài:

- Nhún đánh hươn mạy tại chỗ
- Ngồi lượn đánh hươn mạy
- Đi đánh hươn mạy
- Nhảy nhỏ đánh hươn mạy
- Au eo

HỌC KỲ V

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 5 tục trang bị cho học sinh những kiến thức múa cơ bản của các dân tộc khác, vậy nên độ nhanh nhậy và sự chuẩn xác về việc tiếp cận động tác cũng như phong cách múa của từng dân tộc cần có ở người học là sự linh hoạt, điêu luyện. Đặc biệt là độ tinh tế có chiều sâu, các động tác quay ở tiết tấu nhanh và phức tạp. Hoàn thiện, nâng cao tính thẩm mỹ khi thể hiện mỗi động tác cá nhân cùng dàn tập thể.

Đồng thời dần hoàn thiện các kỹ năng cơ bản khi học sinh tiếp cận đến các hình thái múa ở các vùng có nền văn hóa tách biệt khu vực, hoàn thiện toàn bộ các kỹ năng kỹ xảo. Khai sâu sự thể hiện của từng bộ phận cơ thể (Mắt, vai, ngón tay)

Bài 17: Dân tộc Kinh (phần 2 quạt)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống.

Cách cầm, sử lý hai quạt ở các tạo hình và luật động: Song song, đồng thời... Cùng sự mềm dẻo linh hoạt của phần chân.

Rèn luyện kỹ năng guồn quạt, đặc biệt là phong thái (uyển chuyển, tinh tế, khéo léo) khi kết hợp cùng với luật động của phần chân trong quá trình thực hiện các bước đi mềm, kiễng, chú ý đến sắc thái biểu cảm.

2. Nội dung bài:

- Lùi vòn quạt
- Ngồi chuyển rung quạt
- Đu tiên a,b
- Bình Sang

Bài 18: Dân tộc Thái (khăn)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động tác trong hệ thống

Thực hiện các kỹ năng uyển chuyển của phần chân trong nhóm động tác múa Thái, cách sử lý tay rung nhạc, cách sử lý đạo cụ khăn - đảm bảo sự tinh tế, khéo léo.

2. Nội dung bài:

- Châu pua
- Cá ước
- Xoong xậm

- Khăn pic-khăn pao
- Tra tay trên
- Tạt l o
- Quay khăn

Bài 19: Dân tộc T y (quạt)

1. Mục tiêu: N m vững các động tác múa trong hệ thống, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác. Chú ý đến phong cách luật động bật gi t hình thái múa tín ngưỡng của người T y.

2. Nội dung bài:

- Tr u li p
- Xo t quạt a,b
- B t quạt

Bài 20: Dân tộc   đ 

1. Mục tiêu: N m vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. N m tr c kỹ cách dùng cơ chân sử dụng các bước chuyển, nh n, chạy - nhảy. Cách chuyển động sử lý phân tay. Đặc biệt là phân vai.

2. Nội dung bài:

- Rung mơ thua
- Vu t v n
- Chim G'r r

Bài 21: Dân tộc L o

1. Mục tiêu: N m vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống.

N m tr c kỹ năng sử dụng các bước chuyển, nh n của chân. Cách chuyển động sử lý phân tay. Đặc biệt là phân vai.

2. Nội dung bài:

- Ng m hoa a,b
- Soi bóng
- Nh n tại chỗ
- B n cung

HỌC KỲ VI

Môn múa dân gian dân tộc ở học kỳ 6 tiếp tục trang bị nôt cho học sinh những kiến thức múa cơ bản của một số dân tộc còn lại, đồng thời hệ thống hoàn thiện tổng ôn tập toàn bộ giáo trình múa hệ trung cấp 3 năm. Khơi sâu sự thể hiện của từng bộ phận cơ thể (Mắt, vai, ngón tay)

Các bài tập thực hiện với tác phẩm âm nhạc ngoài nhạc tập cơ bản nhằm mục đích hoàn thiện các kỹ xảo phức tạp, khơi sâu sự biểu hiện hoàn thiện tính thẩm mỹ, phát huy hết khả năng của các cá nhân.

Bài 22: Dân tộc Kinh (trống)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống thực hiện các kỹ năng múa có yếu tố đánh trống ở trạng thái vui hoạt.

Thực hiện các bước chuyển động của phần chân: chạy lướt, chạy kiểng trên nửa bàn chân, các luật động chuyển động phần chân ở các tư thế tấn sâu cùng các luật động về phần tay thoáng đạt, rộng rãi.

2. Nội dung bài:

- Nhật tân
- Đại lộ
- Hoa sen
- Quảng bị
- Quay tơ a

Bài 23: Dân tộc Thái (nón)

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống. Tăng cường sử lý độ tinh tế của phần tay và độ mềm dẻo của lưng; Cách sử lý đạo cụ nón thái độ khéo léo và tinh tế cũng sự phối hợp của phần chân đặc biệt khi làm ở tiết tấu nhanh hoặc kỹ thuật quay.

2. Nội dung bài:

- Nâng nón
- Hứng hoa
- Xoay nón 2 bên
- Lao nón
- Nón trên vai
- Nón chiềng vai
- Hái rau b

- Nón che nghiêng
- Lao nón
- Nón cúp phá
- Đi lắc nón
- Xoay nón trên đầu
- Quay nón

Bài 24: Dân tộc Dao

1. Mục tiêu: Nắm vững các động tác múa, đồng thời làm chủ kỹ năng kỹ xảo luật động động tác trong hệ thống.

Tăng cường sử lý độ tinh tế của phần tay và độ mềm dẻo của lưng; Cách sử lý đạo cụ chuông dao độ khéo léo và tinh tế cũng sự phối hợp của phần chân đặc biệt khi làm ở tiết tấu nhanh hoặc kỹ thuật quay. Thực hiện tốt các động tác múa vào hình thức bài tập có yếu tố biểu diễn.

2. Nội dung bài:

- Chào rung chuông
- Chào nhịp 5/4
- Nhún nháy
- Nhảy nhỏ rung chuông
- Nhảy quay chân sáo
- Nhún rung chuông nhịp 5

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Sàn múa mặt sàn bằng gỗ, đủ ánh sáng, thoáng mát có đầy đủ gương, gióng, đảm bảo an toàn cho giáo viên và sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Đài, đĩa, máy vi tính có kết nối Internet, loa.

3. Học liệu, dụng cụ: Đàn tam thập lục, giá nhạc, đạo cụ chuyên ngành, 01 bộ bàn ghế cho giáo viên, gương soi, có hệ thống đèn và quạt.

- Đạo cụ học tập theo yêu cầu của từng dân tộc.
- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
- Trang phục, giày múa.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

- + Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học
- + Phương pháp thực hành luyện tập
- + Hiểu được ngôn ngữ động tác, tác phẩm múa mà mình trình bày
- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:
 - + Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản
 - + Thuộc bài, xử lý bài
 - + Có sự sáng tạo
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ Trung cấp.*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giảng viên, giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý: Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải lưu ý những nội dung sau để áp dụng, cũng như đánh giá khả năng học tập của từng đối tượng vì đặc điểm lớp học múa có những vấn đề về: Độ tuổi; Dân tộc; Văn hóa vùng miền; ... cũng như cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tốt nhất để thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

4. Tài liệu tham khảo:

+ Giáo trình chính:

- Kiều Thị Cây, (2013), *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Tày*, Nxb Văn hóa dân tộc

- Trần Nguyễn Khánh Phong, *Văn hóa dân gian dân tộc Cơ Tu*, Nxb Khoa học xã hội.

- Phùng Hồng Quỳnh - Trần Đức Viễn (2013), *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Thái*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Phùng Hồng Quỳnh - Trần Đức Viễn (2013). *Giáo trình Múa dân gian dân tộc Kinh*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Ngô Đình Thành,(2016), *Giáo trình Múa dân tộc Lô-Lô*. Nxb Văn hóa dân tộc

- Trần Đức Viễn - Phạm Minh Phương(1994), *Giáo trình Múa dân gian các dân tộc Việt Nam*, Trường Cao Đẳng Múa Việt Nam

+ Sách tham khảo:

- Đặng Đình Thuận, *Văn hóa dân gian dân tộc Cao Lan*, Nxb Thanh Niên.

- Nguyễn Thị Thủy, *Văn hóa dân gian dân tộc Co ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin.

- Nhiều tác giả, *Văn hóa dân gian một số tộc người*. Nxb Văn hóa dân tộc.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 60 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa cổ điển châu Âu

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 480 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành bài tập: 330 giờ và kiểm tra 20 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- **Vị trí:** Là môn học chuyên ngành, trình độ trung cấp, ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc.

- **Tính chất:** Là môn học tích hợp, cung cấp những kiến thức và kỹ năng biểu diễn trong nghệ thuật Múa.

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản của hệ thống múa cổ điển Châu Âu, thông qua những động tác, những bài tập được kết cấu một cách khoa học, rèn luyện độ mở, độ mềm dẻo, sức bật, kỹ thuật bay nhảy, độ linh hoạt của cơ thể

- **Về kỹ năng:** Có khả năng biểu diễn solo, Duo, Trio hoặc múa tập thể trong các tác phẩm múa.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành Thảo luận	Kiểm tra
1	Học kỳ I	105	41	60	4
	1. Ý nghĩa môn học	105	4	2	4
	2. Khởi động - GP cơ thể		7	8	
	3. Bài tập - động tác trong gióng		10	20	
	4. Bài tập - động tác giữa sàn		10	15	
	5. Allegro - Nhảy nhỏ		10	15	
2	Học kỳ II	105	31	70	4
	1. Khởi động	105	3	8	4
	2. Bài tập - động tác trong gióng		10	25	
	3. Bài tập - động tác giữa sàn		10	22	
	4. Allegro		8	15	

	Học kỳ III	90	21	65	4
3	1. Khởi động	90	2	4	4
	2. Bài tập-động tác trong gióng		4	16	
	3. Bài tập - động tác giữa sàn		6	18	
	4. Pirouet		4	12	
	5. Allegro		5	15	
	Học kỳ IV	90	21	65	4
4	1. Bài tập-động tác trong gióng	90	6	16	4
	2. Bài tập - động tác giữa sàn		6	16	
	3. Pirouet		4	13	
	4. Allegro		5	20	
	Học kỳ V	90	16	70	4
5	1. Bài tập-động tác trong gióng	90	3	12	4
	2. Bài tập - động tác giữa sàn		3	12	
	3. Pirouet		2	12	
	4. Allegro		2	14	
	5. XD chương trình thi hết môn		6	20	
	Tổng	480	130	330	20

2. Nội dung chi tiết

Học kỳ I

- Cho học sinh nắm được tính chất của môn múa cổ điển, đồng thời hiểu rõ nguồn gốc và yêu cầu của môn học.

- Khởi động cho cơ thể mềm, mở nhằm giải phóng hình thể, phát triển các cơ bắp và luyện sức dẻo dai

- Học sinh nắm vững được các tư thế, phong cách đúng phù hợp với múa. Giải thích cho học sinh biết các vị trí chân, tay, đầu và các hướng, độ mở của cơ thể...

Tuần 1:

- Khởi động làm mềm cơ thể.
- Tìm trọng tâm, độ cân bằng của cơ thể.
- Vị trí I, II, III với 2 tay bám gióng
- Bat tement tendu bên cạnh với 2 tay bám gióng.

Tuần 2:

- Demi plié ở vị trí chân I, II.

- Các thế tay (chuẩn bị I, II, III).
- Bat. Tendu trước sau.

Tuần 3:

- Demi plié ở vị trí chân III.
- Releve' ở vị trí chân I, II.
- Rond de Jambe par terre en de hors.

Tuần 4:

- Passés par terre.
- Port de bras I và II ngoài gióng.
- Vị trí chân IV, V.
- Por de bras (uốn lưng) đằng sau và bên cạnh.

Tuần 5:

- Bat. Tendu jete cạnh, trước, sau với độ cao 25°.
- Épaulement croisée & efface ở vị trí V.
- Vị trí chân sur le cou de pied trước và sau
- Rond de jambe terre en dedans.

Tuần 6:

- Demi plié T4, T5 với 2 tay bám gióng.
- Tư thế Épaulement croise & efface.
- Bat. Fondu với 2 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn.

Tuần 7:

- Bat. Fräppé với 2 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn.
- Grand plié thế I, II, V.
- Releve' T5.

Tuần 8:

- Demi plié ét rond de jambe par terre en dehors và en dedans.
- Các Arabesque I, II, III với chân chạm sàn - ngoài gióng.
- Port de bras III - ngoài gióng.

Tuần 9:

- Temps levé saute' các tư thế I, II với tay bám gióng.
- Grand plié T4.

- Bat Tements Fräppé với 1 tay bám gióng và tư thế chân chạm sàn kết thúc với dáng nhỏ.

- Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 10:

- Battements retire'.
- Port de bras I, II, III kết hợp với các bài khởi động và động tác demi plié ở các tư thế.
- Petit par échappe' từ T1 & T5 ra T2 và về T1, T5.

Tuần 11:

- Bat. Tendu từ T1 hướng en face với mũi chân chạm sàn ngoài gióng.
- Bat.Fondu với độ cao 25° & 45°.
- Bat.Releve' lent với độ cao 25° & 45°.

Tuần 13:

- Pas de bourre' với 2 tay bám gióng en dehors và en dedans.
- Bat. Developpe 45° với 2 tay bám gióng.
- Grand bat. Jete trong gióng.
- Bat. Developpe & Releve lent 45° với một tay bám gióng.

Tuần 14:

- Releve' I, II, V ngoài gióng.
- Các bài tập kết hợp với releve' & kết thúc ở tư thế arabetssques.
- Tạo các dáng nhỏ trong bài tập động tác.
- Temps lise par terre en dehors.

Tuần 15:

- Hệ thống các động tác đã học và xây dựng bài tập.
- Dựng bài thi & Ôn tập

Học kỳ II

- Chú ý nhiều hơn tới độ mềm mại trong động tác, sự kết hợp của hơi thở giữa chân và tay cùng tạo nên những thế tạo hình cơ bản ban đầu của môn học. Sự hài hòa khi kết hợp trong động tác.

- Bắt đầu thực hiện các động tác 1/2 bàn chân trụ tạo điều kiện cho những năm học tiếp theo.

Tuần 1:

- Ôn luyện, làm mềm cơ thể bằng những động tác bài tập nhỏ
- Battement tendu với demi plié chân trụ.
- Battement tendu Jete' với móc duỗi bàn chân ở độ cao 25°.
- Pas balance' với 2 tay bám gióng.
- Pas assemble bên cạnh với 2 tay bám gióng.

Tuần 2:

- Sissonne' simple.
- Pas de bourre ngoài giống.
- Battement tendu Jete' pointe' về các hướng.
- Battement fondu với độ cao 45°.

Tuần 3:

- Battement frappe' với releve và plie chân trụ ở độ cao 25°.
- Petit changement de pied.
- Pas balance' ngoài giống.
- Sissonne' ferme' trước, sau trong giống.

Tuần 4:

- Sissonne fecmer bên cạnh.
- Releve lents với độ cao 90°.
- Battement developpe & Releve lent 45°.
- Arabesques 4.

Tuần 5:

- Battement developpe' 90°.
- Battement Soutenus với demi plie và releve chân trụ.
- Petit Battement sur lecou_de pi_e.
- Temp lile kết hợp với port de bras.

Tuần 6:

- Battement foudu 90°.
- Battement Releve lent với độ cao 45° (ngoài giống).
- Battement tendu kết hợp với các tư thế croise, enface và các arbesques.

Tuần 7:

- Developpe ngoài giống.
- Battement soutenu en tour nant 1/2 vòng với một tay bám giống.
- Sissonne ngoài giống.
- Pas glissade có đôi chân và không đôi chân bên cạnh.

Tuần 8:

- Ronds de jambe en lair ở 45°.
- Perparation piroupet từ T₁ và T₂.
- Demi rond et grand rond en dehors và en de dans 90° trong giống.

Tuần 9:

- Double fondu ở độ cao 45°.

- Grand changement de pie tại chỗ.
- Adajo với các poss nhỏ.
- Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 10:

- Pas glissade về trước và sau.
- Grand rond 45° ngoài gióng.
- Grand battement jete kết hợp với pointe.

Tuần 11:

- Double frappe.
- Pas jete với 2 tay bám gióng.
- Soutenus 1/2 vòng ngoài gióng.
- Double fondu 45° ngoài gióng.

Tuần 12:

- PasJetes ngoài gióng.
- Sissonne' fermés en de hors về các arabesques 1 và 3.
- Double assemblé.

Tuần 13:

- Developpe và releve lent với demi rond trên 1/2 bàn chân trụ trong gióng.
- Pas glissade về các hướng các tư thế.
- Pas échappe từ T₅ ra T₂ kết thúc trên một chân còn chân kia vào surle coudepied.

Tuần 14:

- Pas échappe ra T₄ Crorsée & effacée.
- Pas balonné tại chỗ trong gióng.
- Battementreleve lent và developpe' ở độ cao 90° ngoài gióng.

Tuần 15:

- Hệ thống các động tác từ đơn giản đến hoàn chỉnh yêu cầu trong năm.
- Ôn tập và dựng bài tập thi

Học kỳ III

- Hoạt động thân trên khi xoay chuyển vững chắc, có sức. Phát triển sức chân và đứng được trên releve ở một số bài tập động tác cơ bản đơn giản.
- Học sinh bước đầu thực hiện được các động tác nổi đơn giản giữa các động tác trong bài tập.

Tuần 1:

- Khởi động làm mềm cơ thể.
- Ôn lại các động tác đã học.

- Pas de barque.

Tuần 2:

- Preparation T₅ & T₂

- Sissonne' Fermér en de dans ngoài gióng.

- Bat. Fräppe' luyện trong các tư thế croise, efface & ecartee' trong gióng với chân trên mặt sàn kết hợp chân trụ plié.

Tuần 3:

- Rond dejamble en lair trên 1/2 bàn chân. - Sissonne' ouvert trong gióng.

- Bat. Tendu en tour nant 1/8 vòng & 1/4 vòng.

Tuần 4:

- Rond de jambe par terre en dehors và en dedans 1/8 vòng & 1/4 vòng với một tay bám gióng.

- Soutenus 1 vòng ở T₅ en dehors và en dedans với một tay bám gióng.

Tuần 5:

- Sissonne' Ouvert 45° về các hướng trước, cạnh, sau.

- Par jete'.

- Tompe' tại chỗ và di động.

Tuần 6:

- Par emboite'.

- Bat. Jete en tour nant 1/8 vòng.

Tuần 7:

- Demi rond de jambe developpe' với chân trụ trên releve.

- Preparation de tour T₂ & T₅ trong gióng.

- Bat.fondu kết hợp với plié, releve chân trụ, chân động kết hợp demi rond

Tuần 8:

- Developpe' ballotte' 90°.

- Port de bras IV, V.

- Par echappe' en tour nant 1/8 vòng, 1/4 vòng.

Tuần 9:

- Bat.Releve lent & Developpe' 90° kết hợp với tour lents.

- Changement de piseds en tour nant 1/2 vòng

- Kiểm tra

Tuần 10:

- Par glissade ở croise, efface & ecartee' với các pors nhỏ.

- Bat. Double Fäppe' trong các tư thế croise, efface & ecartee'.

Tuần 11:

- Pas de bourre' ballotte' 45° ra các hướng croise, efface.
- Gand rond de jable ở độ cao 90° trên cả bàn chân.
- Temps levé trên một chân.

Tuần 12:

- Changement de piseds en tour nant 1/2 vòng.
- Bat.Soutenu en tour nant một vòng với chân động ở độ cao 90° từ các hướng.
- Rond de jambe par terre en dehors và en dedans 1/8 còng và 1/4 vòng ngoài giống.

Tuần 13:

- Port de bras VI.
- Các bài tập động tác kết hợp với releve' plié & kết thúc ở các tư thế arabetques 45°.

Tuần 14:

- Pas jeve về các hướng từ các tư thế nhỏ.
- Pas ballonne' di động về các hướng ở các tư thế nhỏ.

Tuần 15:

- Hệ thống các động tác đã học và xây dựng bài tập.
- Dựng bài thi và ôn luyện

Học kỳ IV

- Chân linh hoạt, thực hiện tốt phần đập battu.
- Cổ chân chắc chắn chuẩn bị cho phần quay. Chân, tay tạo được sự hài hòa khi thực hiện các động tác ở độ cao 90°, thực hiện được các động tác ở ngoài giống với releve
 - Khả năng biểu cảm trong động tác với những kỹ thuật lớn bắt đầu hình thành phong cách biểu diễn.

Tuần 1:

- Ôn luyện phần cổ chân, độ mềm độ mở.
- Tìm trọng tâm trên 1/2 bàn chân trụ.
- Preparation de tour T₄
- Pas chasse' về các hướng.

Tuần 2:

- Tour pirouette T₁ và T₅.
- Sissonne tompe' cạnh.
- Bat.doubles frappe' 1/2 ở các hướng en face; croisée; effáce; ecarté.

Tuần 3:

- Pas assemblé di động và kết thúc trên tư thế nhỏ. - Sissonne' simple en tour nant 1/2 vòng.

- Preparation de tour T₂ và T₅ ngoài gióng.
- Demi & grand rond de jambe developpe trên 90⁰ với bàn chân trụ releve.
- Arabesques I, II kết hợp pors de bras về trước 90⁰.

Tuần 4:

- Grand roud de jambale developpe' en dehors và dedans ngoài gióng.
- Battements fondu và double battement fondu kết hợp với plie - releve' hoặc demi rond... ở các hướng và tư thế.

- Fic flac.

Tuần 5:

- Enchappe' en tour nant 1/4 vòng và 1/2 vòng.
- Posse attitude trước và sau 90⁰.
- Developpe' ballette' 90⁰.
- Pas Jete' battu.
- Assemble' battu.

Tuần 6:

- Enchappe' battu.
- Sissone tombe.
- Royale.
- Brise' trước, sau.
- Sissonne tombe' về các hướng.

Tuần 7:

- Battement tendu và Battement tendus jete en tournant en de hors và endedans 1/4 vòng.

- Roud de jambe pas terre en de hous và en de dans 1/4 vòng.
- Pas de bourre' de ssus de sous.

Tuần 8:

- Grands battement jete pointe & baloncois (1 nhịp 3/4).
- Fouette' en de hous và en de dans 1/8 vòng ở độ cao 90⁰ & 1/4 vòng ở độ cao 45⁰.
- Releve lent 90⁰ với chân trụ 1/2 bàn chân.

Tuần 9:

- Preparation de tour T₄.
- Pas faili.

- Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ.

Tuần 10:

- Rond de jambe par terre en de hors và en de dans 1/2 vòng.
- Grand rond de jambe en de hors en de dans ở độ cao 90° trên 1/2 bàn chân (trụ) - trong gióng.
- Pas de bourre' ballotte' ở độ cao 90°.

Tuần 11:

- Tour chaine's 4 vòng theo đường chéo.
- Battement fondu tompe' trước, sau 90°.

Tuần 12:

- Temps releve de tour ở độ cao trên 45° endehors et en dedans.
- Passe' en tour nant về tư thế 90° endehors et endedans.
- Entrechat - quatre.

Tuần 13:

- Grand pas jete' về các hướng.
- Tombe temps leve' trước effacée - croisée.
- Pirouette 2 vòng từ T₂-T₄-T₅.

Tuần 14:

- Grand temp lise bước chuyển trên 1/2 bàn chân.
- Petit pas de chat.

Tuần 15:

- Temps lisse kết hợp quay T₅.
- Assemble 45° di động.
- Ôn luyện và dựng bài tập thi.

Học kỳ V

- Thực hiện chuẩn xác một số kĩ thuật quay và sự chuyển đổi tư thế lớn trong khi xoay

- Học sinh sau khi học xong có khả năng biểu diễn tốt, thực hiện hoàn thiện các kĩ thuật quay, nhảy cũng như các kĩ năng biểu diễn trên sân khấu phục vụ cho múa dân gian và dân gian đương đại

Tuần 1:

- Ôn lại các kĩ thuật động tác, củng cố lại trọng tâm trên 1/2 bàn chân khi làm ngoài gióng, lấy sức bật và độ bay trong cơ thể.

- Double battement fondu 90°.
- Double battement frappe' en tour nants 1/4 vòng - 1/2 vòng.

Tuần 2:

- Preparation de tour sur le coude pie T₅ 1/2 vòng.
- Vòng xoay Fouette' từ tư thế này sang tư thế khác en dehors et en dedans trên tất cả bàn chân & 1/2 bàn chân 90° với 1/2 vòng.
- Plic - fac en tour nant en de hors et dedans.

Tuần 3:

- Grand assemble' trong các tư thế en facé - croisée... với các động tác hỗ trợ và các bước nhảy coupe', pas de bourree', glicssade...
- Soutenu en tour nant 1 vòng kết thúc ở possee lớn.
- Rond de jambe en l'air 90° en dehors et en dedans trên 1/2 bàn chân.

Tuần 4:

- Preparation detour với chân động ở vị trí coupé trước, sau 4 - 8 vòng.
- Rond de jambe' en l'air jete'.
- Cabriole 45° sau và trước với một tay bám gióng.
- Temps leve' saute' trên độ cao 90°.

Tuần 5:

- Grand pas ballotté.
- Sissone ferme' fondu 90°.
- Temps leve' sauté en tour nant với 1/2 vòng en dehors et en dedans.
- Sissone ouverte entour nant về mọi hướng với các poss.

Tuần 6:

- Sissone tompee' en tour nant 1/2 vòng.
- Grand pas d'achat về T₄.
- Luyện sức chân, độ xé xoạc, độ bay trong các bài tập động tác.
- Renverse' ở croise' en de hors ở tư thế lớn về tư thế nhỏ kết hợp port de bras.
- Tour chaine' theo đường chéo 8 - 12 vòng.

Tuần 7:

- Grand preparation de tour T₅.
- Preparation detour 90° (arabesque - attitude - alaseconde...).
- Chaine' coupe' 8 vòng.
- Renverse' SK - bước coupe'.
- Grand temps releve de tour en de hors et en de dans với nhịp 2/4

Tuần 8 - 15:

- Xây dựng chương trình thi hết môn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Sàn múa mặt bằng gỗ sạch sẽ, có đầy đủ gương, gióng.

2. Trang thiết bị máy móc: Đàn Piano, loa, đài, máy chiếu, màn chiếu, 01 bộ bàn ghế cho giảng viên, gương soi, gióng, có hệ thống đèn và quạt.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Video clip, sách, báo, tài liệu khoa học
- Giày múa, đồ tập và các đạo cụ có liên quan đến học phần.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình học tập trên lớp, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đạt được yêu cầu:

- + Nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn học
- + Phương pháp thực hành luyện tập
- + Hiểu được ngôn ngữ động tác, tác phẩm múa mà mình trình bày

- Kỹ năng: Thông qua việc học sinh thực hiện các bài tập thực hành, bài kiểm tra, bài thi, để đánh giá kỹ năng:

- + Thực hiện các kỹ thuật động tác cơ bản
- + Thuộc bài, xử lý bài
- + Có sự sáng tạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giảng viên, giáo viên đã hướng dẫn.*

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo :

- B.Coosstravit- A.Pisarep (1995), người dịch Trương Lê Giáp, *Múa Cổ Điển Châu Âu*, Nxb văn hóa– thông tin.

- N.I.Tarasops (1981), người dịch Trương Lê Giáp, *Phương pháp múa cổ điển Châu Âu*, Nxb Nghệ thuật.

- Iu.Bakhusin (dịch Trương Lê Giáp), *Lịch sử múa Nga*, Nxb

- V.Kaxtoraviskaia (dịch Tạ duy Hiện, Trịnh Út Nghiêm), *100 bài tập mẫu múa cổ điển Châu Âu*.

- (2006), *Chương trình chi tiết môn học múa cổ điển Châu Âu cho nghệ thuật biểu diễn dân gian dân tộc, hệ 4 năm* - Hà nội

- (1977). *Múa cổ điển Châu Âu dành cho diễn viên kịch múa hệ 8 năm*, Bộ văn hóa Liên Xô - Mạc tư khoa

5. Ghi chú và giải thích

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 45 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập nghề nghiệp

Mã môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 630 giờ (Thực hành: 626 giờ và kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- **Vị trí:** Là môn học chuyên ngành, trình độ trung cấp, ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc.

- **Tính chất:** Là môn học tích hợp, tạo cho học sinh có điều kiện thực tập, quan sát cuộc sống, thu nhập tài liệu.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Cung cấp cho học sinh những kiến thức lý luận cơ bản, phương pháp tư duy của người diễn viên múa. khai thác đề tài để củng cố phần đã học đồng thời có điều kiện và khả năng thực hiện biểu diễn các tác phẩm mang tính kỹ thuật cao..

- Về kỹ năng: Tạo điều kiện cho học sinh chủ động sáng tạo trong vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng vào trong công việc thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết rõ vai trò và trách nhiệm của một diễn viên biểu diễn nghệ thuật múa dân gian dân tộc. Có khả năng hoạt động độc lập hoặc theo nhóm trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật	630		156	4
2	Bài 2 : Thực tập biểu diễn			156	
3	Bài 3 : Làm diễn viên biểu diễn			156	
4	Bài 4 : Làm bài tập cáo cáo thu hoạch			158	
	Cộng	630		626	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh tìm hiểu rõ hơn về các hoạt động của các đơn vị hoạt động chuyên nghiệp, và bán chuyên nghiệp

2. Nội dung bài:

- Tìm hiểu thực tế hoạt động văn hóa nghệ thuật ở các đơn vị

Bài 2: Thực tập biểu diễn

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh hiểu được công việc của diễn viên múa là gì?

2. Nội dung bài:

- Học sinh thực tập biên đạo các tác phẩm trực tiếp tại các đơn vị hoạt động nghệ thuật.

Bài 3: Làm diễn viên biểu diễn

1. Mục tiêu:

- Giúp học sinh hiểu được công việc của diễn viên múa là gì?

2. Nội dung bài:

- Học sinh tiếp xúc trực tiếp với các diễn viên tại các đơn vị hoạt động nghệ thuật.

Bài 4: Làm bài tập cáo cáo thu hoạch

1. Mục tiêu:

- Học sinh hiểu được công việc của diễn viên múa là gì. Viết và chuẩn bị bản báo cáo thu hoạch khi sinh viên hoạt động tại các cơ sở đơn vị hoạt động nghệ thuật

2. Nội dung bài:

- Học sinh chuẩn bị bài báo cáo thu hoạch

- Tổ chức báo cáo bản thu hoạch

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Liên hệ với các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp và các đơn vị hoạt động văn hóa nghệ thuật bán chuyên nghiệp

2. Trang thiết bị máy móc: Máy quay, máy ghi âm, Đầu đĩa CD, VCD, Loa máy, màn chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ: Giáo án, giáo trình ,chương trình giảng dạy, tài liệu diễn viên múa.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua quá trình thực tập tại các cơ sở nghề nghiệp đạt được yêu cầu:

+ Những hiểu biết về các đơn vị hoạt động nghệ thuật, về những vị trí liên quan tới diễn viên múa; những kiến thức cơ bản về phong cách biểu diễn, có năng lực diễn xuất sáng tạo trên sân khấu; phương thức giải quyết những vấn đề sơ khai của công việc làm diễn viên múa.

- Kỹ năng: Thông qua việc tiếp nhận kiến thức; tìm tòi, sáng tạo nâng cao khả năng biểu diễn múa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua việc nhận thức tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập cầu tiến, tự học hỏi.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho ngành biểu diễn múa dân gian dân tộc trình độ Trung cấp*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: *Giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, chuyên dạy từ lý thuyết tới thực hành, và cả kinh nghiệm trong công tác thực tế biểu diễn tác phẩm.*

- Đối với người học: *Lắng nghe, quan sát, thực hiện các vấn đề giáo viên đã hướng dẫn, và các vấn đề khi thực tập tại các đơn vị nghệ thuật*

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khả năng tìm hiểu, thích ứng, sáng tạo, ứng dụng vào các hoạt động nghệ thuật.

4. Tài liệu tham khảo:

- *Chương trình nghệ thuật được ghi hình bằng video*

- *Kịch bản các chương trình nghệ thuật*

- *Các tài liệu sách, băng đĩa hình liên quan đến nghệ thuật diễn viên múa.*

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Quy định hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi

- Hình thức thi: Thực hành

- Thời gian thi: 90 phút

- Điều kiện thi: Theo quy chế hiện hành

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng giao tiếp

Mã môn học: MH14

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; thảo luận, thực hành: 14 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Kỹ năng giao tiếp là môn học trong nhóm các môn tự chọn của các ngành Trung cấp thanh nhạc, Trung cấp Hội họa; Trung cấp biểu diễn múa dân gian dân tộc, Nhạc cụ phương tây và nhạc cụ truyền thống. Môn học sẽ được thực hiện học vào kỳ II của năm thứ nhất.

- Tính chất: Là môn học tích hợp.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Người học nắm được một số khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, những nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp cơ bản và những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- Về kỹ năng: Người học thực hành được các nghi thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản, biết vận dụng những kiến thức đã học được vào quá trình giao tiếp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có sự chuyên cần, nghiêm túc, và tập trung trong học tập. Chuẩn bị tài liệu, luyện tập theo sự hướng dẫn của người dạy và theo yêu cầu môn học để tiếp thu bài học đạt hiệu quả tốt hơn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về hoạt động giao tiếp 1. Khái niệm về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp 2. Đặc trưng, chức năng của giao tiếp 3. Mục đích của giao tiếp 4. Cấu trúc quá trình giao tiếp	30	2		2

2	Bài 2: Hành vi giao tiếp có văn hóa 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa 3. Hiệu quả giao tiếp		2		
3	Bài 3. Các phương tiện giao tiếp Ngôn từ (Từ nói và từ viết) Phi ngôn ngữ (hữu thanh và vô thanh) Nguyên nhân nghe kém hiệu quả và cách khắc phục.		2	4	
4	Bài 4. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản Nghi thức chào hỏi Nghi thức bắt tay Nghi thức ôm hôn Danh thiếp Giới thiệu, làm quen Tặng hoa, tặng quà Ghế ngồi và cung cách Sử dụng xe con theo nghi thức ngoại giao.		4	4	
5	Bài 5: Một số kỹ năng giao tiếp 1. Những đặc điểm tâm lý của con người trong giao tiếp 2. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp 2.2. Kỹ năng lắng nghe 2.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4. Kỹ năng tổ chức quá trình giao tiếp 2.5. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp 2.6. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân 2.7. Kỹ năng sử dụng phong cách giao tiếp		4	6	
Tổng cộng		30	14	14	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát về hoạt động giao tiếp

- **Mục tiêu:** Học sinh hiểu được một số vấn đề khái quát về hoạt động giao tiếp: đặc trưng, chức năng, mục đích và cách phân loại giao tiếp...

- **Nội dung**

1. Khái niệm về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp
2. Đặc trưng, chức năng của giao tiếp
3. Mục đích của giao tiếp
4. Cấu trúc quá trình giao tiếp
5. Mô hình văn hóa giao tiếp
6. Phân loại mô hình văn hóa giao tiếp

Bài 2: Hành vi giao tiếp có văn hóa

- **Mục tiêu:** Học sinh hiểu được định nghĩa và các nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa.

- **Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc của hành vi giao tiếp có văn hóa
3. Hiệu quả giao tiếp

Bài 3. Các phương tiện giao tiếp

1. Ngôn từ (Từ nói và từ viết)
2. Phi ngôn ngữ (hữu thanh và vô thanh)
3. Nguyên nhân nghe kém hiệu quả và cách khắc phục.

Bài 4. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản

- **Mục tiêu:** Học sinh thực hành được các nghi thức giao tiếp cơ bản

- **Nội dung**

1. Nghi thức chào hỏi
2. Nghi thức bắt tay
3. Nghi thức ôm hôn
4. Danh thiếp
5. Giới thiệu, làm quen
6. Tặng hoa, tặng quà
7. Ghế ngồi và cung cách

8. Sử dụng xe con theo nghi thức ngoại giao.

Bài 5: Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản

- **Mục tiêu:** thực hành được các kỹ năng giao tiếp.

- **Nội dung**

1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp
2. Kỹ năng lắng nghe
3. Kỹ năng thuyết phục
4. Kỹ năng tổ chức quá trình giao tiếp
5. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp
6. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc bản thân
7. Kỹ năng sử dụng phong cách giao tiếp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: 01

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách giáo trình và tài liệu tham khảo

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Học sinh nắm được một số khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, những nghi thức giao tiếp, kỹ năng giao tiếp cơ bản và những đặc điểm trong văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- Về kỹ năng: thực hành được các nghi thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh có tinh thần tự giác rèn luyện, sáng tạo để tiếp thu bài học, tham gia ít nhất 70% giờ học theo quy định.

2. Phương pháp đánh giá:

- Đánh giá qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, và thi kết thúc môn học. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10, có lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm trung bình môn học kỳ là trung bình cộng của điểm các bài tra thường xuyên, định kỳ, và thi kết thúc môn học với các hệ số và cách tính theo quy định và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Đánh giá thông qua sự chuyên cần, nghiêm túc học tập, người học tích cực, chủ động, sáng tạo tiếp thu sự hướng dẫn của người dạy.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho chương trình trung cấp ngành thanh nhạc, múa dân gian dân tộc, nhạc cụ truyền thống, nhạc cụ phương tây, hội họa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng dạy theo chương trình môn học, hướng dẫn chung theo phương pháp thuyết trình và giảng giải, hướng dẫn, chỉnh sửa, góp ý, định hướng.

- Đối với người học: Ghi chép đầy đủ, tích cực tự học hỏi, tham khảo, thực hành và đưa ra các sáng kiến

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình kỹ năng giao tiếp - Th.s Đinh Văn Đáng, Nxb LĐXH, 2006
- Giao tiếp phi ngôn ngữ qua các nền văn hóa - PGS, TS Nguyễn Quang, Nxb KHXH, 2008
- Cẩm nang ứng xử - bí quyết trẻ lâu, sống lâu - TS Thê Hùng
- Tâm lý học giao tiếp - TS Nguyễn Văn Đồng, Nxb Chính trị Hành chính, 2009
- Nhập môn Khoa học Giao tiếp - Nguyễn Sinh Huy, Nxb Giáo dục

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

6. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học:

- Hình thức thi: thi vấn đáp
- Thời gian thi: Theo quy định.
- Điều kiện thi: Thực hiện theo Quy chế hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa sân khấu truyền thống

Mã môn học. MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành có hướng dẫn: 14 giờ và kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí tính chất môn học.

- **Vị trí.** Môn học được tiến hành sau khi học sinh đã có những kiến thức cơ bản về múa Cổ điển Châu Âu và múa Dân gian dân tộc Việt Nam, đồng thời có khả năng tư duy và trí tưởng tượng.

- **Tính chất.** Môn học trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về giải phóng cơ thể, luật động, dáng nét, phong cách và một số kỹ thuật của múa sân khấu Truyền Thống trong tác phẩm của các biên đạo trong và ngoài nước

II. Mục tiêu môn học.

1. Về kiến thức.

- Chuẩn bị chung cho cả hệ thống múa sân khấu truyền thống VN, Huấn luyện cho học sinh nắm được những yêu cầu cơ bản về ngoại hình, luật động, tư duy trừu tượng và phong cách múa sân khấu Truyền Thống. Có khả năng tiếp thu luật động, động tác múa sân khấu Truyền Thống, thể hiện được phong cách, kỹ thuật và những yêu cầu của môn học. Đến sự phối hợp hài hòa toàn thân, bước đầu tạo nên phong cách dáng nét trong múa sân khấu truyền thống VN.

- Giúp học sinh hiểu biết về luật động động tác múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN.

2. Về kỹ năng.

- Vận dụng vào môn học và thực hành múa sân khấu truyền thống VN vào các tác phẩm biểu diễn để có những hiểu biết đúng đắn, sâu sắc về nghề nghiệp.

- Giúp cho sinh viên có kỹ năng thực hiện tốt những kỹ thuật, kỹ xảo của múa sân khấu truyền thống VN.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Đủ sức khỏe, tham gia hết khóa học.

- Tham gia đầy đủ các giờ học tập trên lớp, tiếp thu và nắm vững yêu cầu giáo viên. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo.

- Tự ôn ngoài giờ, tham khảo các tài liệu bằng đĩa hình hỗ trợ.

- Chuẩn bị đầy đủ quần áo, dây tập, đạo cụ theo yêu cầu của môn học.

- Tham dự kiểm tra và thi.

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết Thực hành	Thảo luận bài tập	Kiểm tra
2	<p>Bài 1: Giới thiệu, tìm hiểu về múa sân khấu Truyền Thống</p> <p>1. Bài tập cơ bản chân và tay</p> <p>1.1. Các tư thế chân</p> <p>1.2. Bàn chân duỗi</p> <p>1.3. Bàn chân móc</p> <p>1.4. Bàn chân quặp</p> <p>2. Các tư thế tay</p> <p>2.1. Bàn tay</p> <p>2.2. Bàn tay ngửa</p> <p>2.3. Bàn tay chỉ</p> <p>3. Các tư thế chân chuẩn bị</p> <p>3.1. Chân song song</p> <p>3.2. Chân chữ bát</p> <p>3.3. Chân chữ bát thường</p> <p>3.4. Chân chữ bát</p> <p>3.5. Chân chữ đỉnh</p> <p>3.6. Chân chữ đỉnh thường</p> <p>3.7. Chân chữ đỉnh mở</p> <p>3.8. Chân chữ đỉnh hai</p> <p>3.9. Chân chữ đỉnh ba</p> <p>4. Phần cơ bản luật động tay</p> <p>4.1. Sóc tay áo (1tay, 2tay)</p> <p>4.2. Chao ngang cùng chiều</p> <p>4.3. Chao úp, chao mở, chao dọc</p> <p>4.4. Khoát</p> <p>4.5. Loan, xỏ, bọc, xoa</p> <p>4.6. Loan cổ tay</p> <p>4.7. Khai nam, khai nữ</p>	15 giờ	07 giờ	07 giờ	1 giờ

	Bài 2: Kỹ thuật quay, nhảy nhỏ, nhảy lớn.	15 giờ	07 giờ	07 giờ	1 giờ
	1. Kỹ thuật quay				
	1.1.Quay cát bản				
	1.2.Quay lót, cầu				
	1.3.Quay duỗi chéo dựng				
	1.4.Quay cát bản lớn				
	1.5.Quay nhảy tại chỗ				
	2.Phần nhảy nhỏ				
	2.1.Nhảy chữ bát				
3	2.2. Nhảy duỗi chân chéo				
	2.3. Nhảy cầu				
	2.4.Nhảy vắt				
	2.5.Nhảy đá vòng lưng 2 chân				
	3. Phần nhảy lớn				
	3.Nhảy duỗi chéo lật				
	3.1.Nhảy đá vòng lưng 1 chân				
	3.2.Nhảy xoạc ngang duỗi chéo				
	3.3.Nhảy thành				
	3.4.Nhảy rồng bay				
	3.5.Nhảy vòng				
	Cộng	30 giờ	14 giờ	14 giờ	2giờ

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1

Giới thiệu, tìm hiểu về múa SK Truyền Thống VN

1. Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức chung về các điệu múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN. Giải quyết độ mềm (đầu gối, cổ chân, bàn chân, cổ tay, cánh tay, bàn tay), nắm được các thế tay, thế chân và các động tác cơ bản

2. Nội dung bài:

1. Bài tập cơ bản chân và tay

1.1.Các tư thế chân

1.2.Bàn chân duỗi

1.3. Bàn chân móc

1.4. Bàn chân quặp

2. Các tư thế tay

2.1. Bàn tay

2.2. Bàn tay ngửa

2.3. Bàn tay chỉ

3. Các tư thế chân chuẩn bị

3.1. Chân song song

3.2. Chân chữ bát

3.3. Chân chữ bát thường

3.4. Chân chữ bát

3.5. Chân chữ đinh

3.6. Chân chữ đinh thường

3.7. Chân chữ đinh mở

3.8. Chân chữ đinh hai

3.9. Chân chữ đinh ba

4. Phần cơ bản luật động tay

4.1. Sóc tay áo (1tay, 2tay)

4.2. Chao ngang cùng chiều

4.3. Chao úp, chao mở, chao dọc

4.4. Khoát

4.5. Loan, xỏ, bọc, xoa

4.6. Loan cổ tay

4.7. Khai nam, khai nữ

Bài 2

Kỹ thuật quay, nhảy nhỏ, nhảy lớn

1. Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức chung về các điệu múa cơ bản của múa sân khấu truyền thống VN

2. Nội dung bài:

1. Kỹ thuật quay

1.1. Quay cắt bản

1.2. Quay lót, cầu

1.3. Quay duỗi chéo dựng

1.4. Quay cắt bản lớn

1.5. Quay nhảy tại chỗ

2. Phần nhảy nhỏ

- 2.1. Nhảy chữ bát
- 2.2. Nhảy duỗi chân chéo
- 2.3. Nhảy cầu
- 2.4. Nhảy vắt
- 2.5. Nhảy đá vòng lưng 2 chân

3. Phần nhảy lớn

3. Nhảy duỗi chéo lật
- 3.1. Nhảy đá vòng lưng 1 chân
- 3.2. Nhảy xoạc ngang duỗi chéo
- 3.3. Nhảy thành
- 3.4. Nhảy rỗng bay
- 3.5. Nhảy vòng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học chuyên ngành múa (sàn gỗ).

2. Trang thiết bị máy móc: Gương soi. Quạt điện. Nhạc cụ dân tộc (đàn tam thập lục). Trang thiết bị nghe nhìn (Loa, Đài, Màn hình, Míc trợ giảng) đài đĩa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Dụng cụ học tập. Đạo cụ đầy đủ theo từng học phần, trang phục lên lớp theo yêu cầu của môn học.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Khả năng tiếp thu và vận dụng vào bài học. Nắm chắc các luật động động tác cơ bản về các thế tay, thế chân và một số động tác cơ bản.

- Kỹ năng: Thực hiện đúng kỹ thuật luật động, động tác, khả năng dùng sức từng bộ phận đến sự phối hợp toàn thân. Bước đầu tạo nên phong cách, dáng nét trong múa sân khấu truyền thống VN.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: . Có ý thức ,tự giác trong học tập, tự rèn luyện ngoài giờ. Đảm bảo đủ số giờ lên lớp theo đúng quy định. Thái độ học tập nghiêm túc, sáng tạo. Tham gia tích cực vào giờ giảng.

2. Phương pháp: Đánh giá cho điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: *Dùng cho giảng dạy ngành Biểu diễn múa dân gian dân tộc hệ 3 năm*

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: ***giáo viên sử dụng phương pháp tích hợp, thực hành làm mẫu.***

- Đối với người học: ***Lắng nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện các động tác cơ bản theo giáo viên đã hướng dẫn.***

- Nắm được trọng tâm, trọng điểm bài học.

- Tự tin và hứng thú khi đi học.

- Tập trung theo dõi bài giảng,

- Tập trung nghe, hiểu vấn đề rồi thực hiện theo bài giảng.

- Tập trung vào những nội dung chính, những điểm quan trọng nhất mà giảng viên thường nhấn mạnh qua ngữ điệu, qua việc nhắc lại nhiều lần.

3. Những trọng tâm cần chú ý: giải quyết độ mềm dẻo của thân trên, ngón tay, bàn tay, cổ tay, cánh tay, bàn chân, cổ chân, đầu gối.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình múa sân khấu Truyền Thống

- Tham khảo tài liệu và tư liệu về múa sân khấu Truyền Thống, thông qua băng đĩa hình trong và ngoài nước

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)